

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2025/DS-PT

Ngày 11/9/2025

*“V/v Tranh chấp hợp đồng thi công
xây dựng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thủy

Các Thẩm phán: Bà Ma Thị Tuyết Mai và ông Triệu Ngọc Thúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Đào Thị Hào - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27/8/2025 và ngày 11/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2024/TLPT - DS, ngày 04 tháng 7 năm 2025, về việc *“Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 27/2025/DS - ST ngày 24/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1), tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 37/2025/QĐ-PT, ngày 24/7/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2025/QĐ-PT ngày 14/8/2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 17/2025/QĐPT-DS ngày 27/8/2025 và Thông báo thời gian mở phiên tòa số 21/TB-TA ngày 08/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần X

Địa chỉ: P, Tòa nhà T, số E, lán H, quận B, thành phố Hà Nội (nay là phòng 2502, Tòa nhà T, số E, phường B, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Ngọc P**; chức vụ: Giám đốc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông **Hà Mạnh H**

- Luật sư Công ty L1, thuộc Đoàn luật sư thành phố H;

Địa chỉ: P, Tòa nhà H, phố P, phường K, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Quang

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thu H1; Chức vụ: Giám đốc – có mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Ủy ban nhân dân tỉnh T

Địa chỉ: Phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn S (nay là ông Phan Huy N); Chức vụ: Chủ tịch – vắng mặt, có người đại diện theo ủy quyền.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Việt H2; Chức vụ: Phó giám đốc Sở X1 – có mặt.

- Sở Xây Dựng tỉnh X1.

Địa chỉ: Số D, đường A, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Việt L; Chức vụ: Giám đốc Sở Xây dựng – vắng mặt có người đại diện theo ủy quyền.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Việt H2; Chức vụ: Phó giám đốc Sở X1 – có mặt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh X1 (nay là Sở Tài chính tỉnh X1)

Địa chỉ: Số nhà A, đường T, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vân Đình T; Chức vụ: Giám đốc Sở X1 – vắng mặt có người đại diện theo ủy quyền.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đắc H3; Chức vụ: Phó Trưởng phòng Đầu tư công – có mặt.

4. Người kháng cáo: Công ty cổ phần X.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty cổ phần X trình bày:***

Ngày 24/9/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T có Quyết định số 1606/QĐ-CT về việc “*Phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Bệnh viện L2 và Bệnh phổi tỉnh Tuyên Quang*”;

Ngày 22/02/2010, UBND tỉnh T có Thông báo số 09/QĐ-CT về việc “*Phân bổ nguồn trái phiếu Chính phủ năm 2010 tỉnh Tuyên Quang*”;

Ngày 04/11/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành Quyết định số 1469/QĐ-CT “*Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Bệnh viện L2 và Bệnh P tỉnh Tuyên Quang*” với tổng mức đầu tư là 268.898.848.000 đồng (Hai trăm sáu mươi tám tỷ, tám trăm chín mươi tám triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng); toàn bộ nguồn vốn đầu tư bằng vốn trái phiếu Chính phủ. Quyết định này giao cho C đầu tư (Bệnh viện L2 và Bệnh P1) và các đơn vị liên quan khác thực hiện theo đúng quy định của Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu ... chịu trách nhiệm lập, thẩm định và phê duyệt tổng dự án (nhưng không được vượt quá tổng mức đầu tư của dự án đã được phê duyệt), phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình.

Ngày 28/11/2011, Chủ đầu tư ban hành Quyết định số 326/QĐ-GĐ về việc duyệt kết quả đấu thầu *Gói thầu số 1: Thi công xây dựng công trình; mua sắm, lắp đặt trang thiết bị xây dựng công trình* (trừ thiết bị y tế và thiết bị văn phòng) thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện L2 và bệnh Phổi tỉnh Tuyên Quang. Nội dung tại Điều 1 của Quyết định xác định đơn vị trúng thầu là Công ty cổ phần X; Giá gói thầu được duyệt là 169.667.474.000 đồng (*Một trăm sáu mươi chín tỷ, sáu trăm sáu mươi bảy triệu, bốn trăm bảy mươi tư nghìn đồng*); Giá gói thầu trúng thầu là 169.635.613.000 đồng (*Một trăm sáu mươi chín tỷ, sáu trăm ba mươi lăm triệu, sáu trăm mười ba nghìn đồng*); Thời gian thực hiện hợp đồng là 895 ngày; Hình thức hợp đồng được thực hiện theo đơn giá điều chỉnh.

Cùng ngày 28/11/2011, chủ đầu tư (Bệnh viện L2 và bệnh Phổi tỉnh Tuyên Quang) và nhà thầu (Công ty cổ phần X) đã ký kết Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 329/2011/HĐ-XD để thực hiện gói thầu số 1.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng (thi công công trình) vì có sự thay đổi mức lương tối thiểu vùng; có sự chênh lệch giá nguyên vật liệu; dự toán hồ sơ mời thầu tính thiếu khối lượng và có điều chỉnh thiết kế nên Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn và nhà thầu thi công đã hợp đề nghị bổ sung tiền chênh lệch nhân công, máy thi công và chênh lệch giá vật liệu xây dựng.

Ngày 14/10/2014, Chủ đầu tư (Bệnh viện L2 và bệnh Phổi) có tờ trình số 270/TTr-BVLP đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh T phê duyệt chủ trương bổ sung, điều chỉnh.

Đến ngày 21/10/2014 Ủy ban nhân dân tỉnh T có văn bản chỉ đạo, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan xem xét, tham mưu chủ trương điều chỉnh Dự án theo quy định của Nhà nước.

Ngày 04/12/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh T có Văn bản số 3384/UBND-XD đồng ý chủ trương bổ sung một số khối lượng và điều chỉnh giá hợp đồng. Sau đó, phía Chủ đầu tư (Bệnh viện L2 và bệnh Phổi) có lập dự toán xây dựng bổ sung gửi Sở Xây dựng thẩm tra.

Ngày 24/12/2014, Sở xây dựng tỉnh X1 đã có Văn bản kết quả thẩm tra dự toán bổ sung số 1078/KQTT-SXD, theo văn bản này kinh phí bổ sung cho gói thầu số 1 là 54.307.329.000 đồng (*Năm mươi tư tỷ, ba trăm linh bảy triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn đồng*) gồm: Bổ sung chi phí nhân công và máy thi công: 26.502.994.000 đồng (*Hai mươi sáu tỷ, năm trăm linh hai triệu, chính trăm chín mươi tư nghìn đồng*); Bổ sung chênh lệch giá vật liệu: 11.424.316.000 đồng (*Mười một tỷ, bốn trăm hai mươi bốn triệu, ba trăm mười sáu nghìn đồng*); Bổ sung do phát sinh khối lượng: 16.380.082.000 đồng (*Mười sáu tỷ, ba trăm tám mươi triệu, không trăm tám mươi hai nghìn đồng*).

Ngoài ra, *theo chỉ đạo bằng miệng* của Ủy ban nhân dân tỉnh T, phía Nhà thầu thi công còn *lắp đặt bổ sung hạng mục thiết bị điều hòa* tại một số vị trí của công trình, có giá trị 3.988.862.845 đồng (*Ba tỷ, chín trăm tám mươi tám triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, tám trăm bốn mươi lăm đồng*). Các thiết bị này hiện đang được chủ đầu tư khai thác, sử dụng.

Như vậy, Tổng giá trị của gói thầu số 1 được đề nghị điều chỉnh tăng lên số tiền là: 54.307.329.000 đồng + 3.988.862.845 đồng = 58.296.191.845 đồng (*Năm mươi tám tỷ, hai trăm chín mươi sáu triệu, một trăm chín mươi một nghìn, tám trăm bốn mươi lăm đồng*).

Ngày 27/01/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh T có văn bản số 214/UBND-XD đồng ý cho Nhà thầu thanh toán khối lượng phát sinh và đến ngày 28/01/2015 chủ đầu tư phê duyệt dự toán bổ sung phần khối lượng phát sinh với kinh phí bổ sung là 16.277.222.000 đồng (*Mười sáu tỷ, hai trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn đồng*) và hai bên đã ký bản Phụ lục Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 329b/2015/PLHD-XD để bổ sung về khối lượng công việc, giá hợp đồng, thanh toán và tạm ứng.

Đến ngày 05/12/2015, Gói thầu số 1 được hoàn thành, chủ đầu tư và nhà thầu đã ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng và từ đó đến nay, Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Tuyên Quang đã được đưa vào khai thác, sử dụng phục vụ nhân dân trong tỉnh.

Ngày 21/02/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành văn bản số 400/UBND-XD về việc thanh, quyết toán gói thầu số 01, tại văn bản này về cơ bản, Ủy ban nhân dân tỉnh đã nhất trí với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh liên quan đến đề nghị của Nhà thầu thi công về việc điều chỉnh giá nhân công, máy thi công.

Ngày 22/03/2017, giữa chủ đầu tư và Nhà thầu đã lập biên bản nghiệm thu và xác nhận hết thời hạn bảo hành công trình.

Tuy nhiên, kể từ ngày công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng đến nay đã gần 03 năm nhưng việc quyết toán công trình vẫn chưa được thực hiện, nguyên nhân là do bệnh viện L2 và bệnh Phổi tỉnh Tuyên Quang chưa thanh toán phần kinh phí bổ sung liên quan đến chi phí nhân công, máy thi công và chênh lệch giá vật liệu của gói thầu số 1 với số tiền: 58.296.191.845 đồng - 16.277.222.000 đồng = 42.018.969.845 đồng (*Bốn mươi hai tỷ, không trăm mười tám triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn, tám trăm bốn mươi lăm đồng*).

Sau nhiều lần gửi công văn yêu cầu, kiến nghị thì đến ngày 22/01/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh T chính thức ban hành văn bản số 189/UBND-ĐTXD “*V/v giải quyết đơn kiến nghị của Công ty cổ phần X*”. Tại văn bản này Ủy ban nhân dân tỉnh T đã đưa ra rất nhiều lý do không đúng quy định của pháp luật để bác bỏ đề nghị thanh toán của Công ty cổ phần X và cho rằng “*Việc nhà thầu đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh T phê duyệt điều chỉnh Tổng mức đầu tư của Dự án do thay đổi giá vật liệu, nhân công, máy thi công là không phù hợp với quy định của pháp luật*”. Những nội dung mà Ủy ban nhân dân tỉnh T nêu ra tại văn bản này mâu thuẫn với chính những quan điểm của họ đã thể hiện khi Nhà thầu và chủ đầu tư xin ý kiến về việc thay đổi Tổng mức đầu tư dự án (*Văn bản số 400/UBND-XD ngày 21/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh T đã đồng ý cho phép chủ đầu tư và nhà thầu thanh toán giá trị phần bổ sung, điều chỉnh giá*). Tuy nhiên, trên thực tế, trong quá trình thi công, khi có sự thay đổi về giá, khối lượng phát sinh cần điều chỉnh, Nhà thầu và chủ đầu tư đã trình văn bản đến Ủy ban nhân dân tỉnh T để xin ý kiến về việc thay đổi Tổng mức đầu tư của dự án, khi đó chính Ủy ban nhân dân tỉnh T là người đã có văn bản chỉ đạo các sở ban ngành tiến hành thẩm

định việc điều chỉnh, bổ sung giá này (*Văn bản số 2960/UBND-XD ngày 21/10/2014*). Trong quá trình làm dự toán bổ sung giá trị, chúng tôi đã áp dụng tăng lương nhân công, máy thi công dựa trên nhật ký thi công và các biên bản nghiệm thu tại các thời điểm thanh toán để các bên xác nhận phân khai khối lượng chính xác của từng giai đoạn, áp dụng điều chỉnh phù hợp với các văn bản hướng dẫn của Sở Xây dựng tỉnh X1 (Nghị định số 70/2011-NĐCP ngày 22/8/2011, Nghị định số 182/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 và Nghị định số 103/2014-NĐCP ngày 11/11/2014 của Chính Phủ). Còn phần bù giá vật liệu, chúng tôi cũng áp theo thông báo giá quý, tháng của Sở X1 ban hành. Điều chỉnh giá hợp đồng theo phương pháp bù trừ trực tiếp: Công ty X áp dụng theo Điều 36 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP và điểm b khoản 3 điều 3 Thông tư số 08/2010/TT-BXD. Công ty X lập bảng khối lượng thanh toán có điều chỉnh giá trên cơ sở thông báo giá theo Q, tháng của Sở Xây dựng tỉnh X1. Với những vật tư, vật liệu không có trong thông báo giá của Sở X1 thì Công ty X áp dụng theo thông báo giá của vùng lân cận. Tuy nhiên, do mỗi đợt thanh toán thì phải 2-5 tháng sau cơ quan chức năng là Sở Xây dựng mới ra được thông báo giá của tháng trước, quý trước. Công ty X phải chờ đến khi có thông báo giá của Sở Xây dựng mới lập bảng thanh toán khối lượng được. Công ty X không phải là cơ quan dự báo nên không thể đưa ra đề xuất về việc tăng giảm giá của các loại vật tư, vật liệu ngay tại thời điểm lập hợp đồng cũng như thời điểm thanh toán. Vậy nên đơn giá đề nghị thanh toán từng đợt chưa được Công ty X tính toán qua các đợt nghiệm thu thanh toán mà khối lượng thực hiện từng đợt đều phải áp dụng theo đơn giá trúng thầu. Việc mỗi lần thanh toán phải đề cập tăng giảm giá vật liệu, nhân công máy thi công là bất khả thi vì không có căn cứ và không thể phê duyệt được. Và kho bạc tỉnh cũng không thanh toán cho những giá trị tăng ngoài phạm vi hợp đồng. Việc điều chỉnh giá hợp đồng theo phương pháp bù trừ trực tiếp cũng đã được Lãnh đạo Bộ X2 có công văn trả lời cho công ty X tại văn bản số 1172/BXD-KTXD ngày 24/5/2017 là phù hợp với nội dung hướng dẫn thực hiện tại Thông tư số 08/2010/NĐ-CP ngày 29/7/2010 và Thông tư 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ X2. Việc áp dụng đơn giá tăng giảm đã được Sở X1 áp dụng tính toán và thẩm tra thẩm định tại văn bản số 1078/KQTT-SXD ngày 24/12/2014. Việc điều chỉnh lương nhân công, máy thi công và điều chỉnh do trượt giá là theo đúng quy định của pháp luật cũng như đúng mục đích nhân văn mà các quy định hướng tới là đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của người lao động nên Chủ đầu tư và cơ quan quyết định đầu tư không thể cắt bỏ một cách vô lý.

Vì vậy, năm 2019 Công ty X đã khởi kiện vụ án hành chính đối với Ủy ban nhân dân tỉnh T tại Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang yêu cầu giải quyết: “Tuyên bố hành vi không phê duyệt điều chỉnh Tổng mức đầu tư của Dự án do thay đổi giá vật liệu, nhân công, máy thi công cho Gói thầu số 1 “*Thi Công xây dựng công trình, mua sắm lắp đặt thiết bị công trình (trừ thiết bị y tế)*” - Thuộc dự án: “*Bệnh viện L2 và B phối Tuyên Quang*” đã được Sở xây dựng tỉnh X1 thẩm định tại Văn bản kết quả thẩm tra dự toán bổ sung số 1078/KQTT-SXD ngày 24/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh T là trái pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm, Công ty X đã rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo vụ án hành chính đối với Ủy ban nhân dân tỉnh T.

Công ty X xác định đây là vụ án dân sự nên Công ty X khởi kiện vụ án dân sự đối với Bệnh viện L2 và B phổi Tuyên Quang là chủ đầu tư xây dựng công trình đến Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang yêu cầu giải quyết:

1. Buộc Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Quang thanh toán cho Công ty cổ phần X tổng số tiền phát sinh tại gói thầu số 01 là:

+ Số tiền phát sinh đã được thẩm định tại văn bản kết quả thẩm tra dự toán bổ sung số 1078/KQTT-SXD ngày 24 tháng 12 năm 2014 là 38.030.107.000 đồng + 3.988.862.845 đồng (là số tiền thiết bị điều hòa do Công ty X đã lắp đặt) = 42.018.969.845 đồng;

+ Số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 05/12/2015 đến ngày 10/7/2023 (theo mức lãi suất cho vay của Ngân hàng N1 theo từng thời kỳ) là 30.428.583.835 đồng.

Tổng cộng là 72.447.553.680 đồng (*Bảy mươi hai tỷ, bốn trăm bốn mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn, sáu trăm tám mươi đồng*);

2. Buộc Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Quang thanh lý và quyết toán Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 329/2011/HĐ-XD ngày 28/11/2011, đã ký kết giữa chủ đầu tư (Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Quang) và nhà thầu (Công ty cổ phần X).

*** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Quang trình bày:**

I. Quá trình tổ chức thực hiện dự án: Dự án xây dựng công trình Bệnh viện L2 và bệnh Phổi, tỉnh Tuyên Quang được Ủy ban nhân dân tỉnh T phê duyệt tại Quyết định số: 1469/QĐ-CT ngày 04/11/2010 với tổng mức đầu tư là: 268.898.848.000 đồng;

Chủ đầu tư (Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Quang) đã phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình tại Quyết định số 256/QĐ-GĐ ngày 13/9/2011 với tổng dự toán được duyệt là: 268.898.827.000 đồng.

Trong đó:

- Chi phí xây lắp: 160.093.559.037 đồng.
- Chi phí thiết bị: 81.782.799.840 đồng.
- Chi phí QLDA: 3.444.161.784 đồng.
- Chi phí đền bù, GPMB: 1.249.207.661 đồng.
- Chi phí TVĐTXD: 9.390.479.815 đồng.
- Dự phòng: 10.295.297.488 đồng.

1. Về hợp đồng xây lắp:

Thực hiện kế hoạch đấu thầu thi công xây dựng công trình đã được UBND tỉnh T phê duyệt tại Quyết định số 1291/QĐ-CT ngày 10/10/2011. Ngày 21/11/2011, Chủ đầu tư (Bệnh viện L2 và bệnh Phổi) đã cùng nhà thầu trúng thầu (Công ty CP X) thương thảo hợp đồng thi công xây dựng công trình và ngày 28/11/2011 đã ký hợp đồng số: 329/2011/HĐ-XD bao gồm toàn bộ khối lượng thi công xây lắp, mua sắm lắp đặt thiết bị công trình (trừ thiết bị y tế và thiết bị văn phòng) gọi tắt là gói thầu số 01 với giá trị hợp đồng là 169.635.613.000 đồng,

hình thức hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, thời gian thực hiện hợp đồng không quá 895 ngày.

2. Về tiến độ thi công:

Thời gian thực hiện hợp đồng 895 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (28/11/2011), thực tế công trình được khởi công xây dựng ngày 10/02/2012 do vướng mắc trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng và việc lập, thẩm định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình còn có sai sót dẫn đến trong quá trình thi công phải điều chỉnh, bổ sung thêm một số khối lượng phát sinh, thay đổi phương án thiết kế móng nhà Hành chính – khoa D và một số lý do khách quan khác nên tiến độ thi công xây dựng công trình không đảm bảo theo đúng hợp đồng đã ký kết. Tại Văn bản số 214/UBND tỉnh đồng ý gia hạn hợp đồng với thời gian kéo dài là 336 ngày kể từ ngày kết thúc hợp đồng 11/5/2014.

Toàn bộ công việc xây lắp và mua sắm lắp đặt thiết bị công trình của gói thầu số 01 (*trừ phần sân bê tông và tường rào do đường giao thông của dân đi qua và hạng mục xây dựng tượng đài và đài phun nước không thực hiện là 2.535.679.013 đồng*) đã thực hiện hoàn thành, nghiệm thu bàn giao ngày 05/12/2015. Bệnh viện đã chuyển về địa điểm mới từ ngày 10/3/2017.

3. Về bổ sung, phát sinh và điều chỉnh giá hợp đồng:

Thực hiện văn bản số 839/UBND-XD ngày 18/4/2013 của UBND tỉnh về việc cho thay đổi phương án móng nhà Hành chính - khoa D từ móng đơn BTCT sang móng cọc ép BTCT và điều chỉnh ống nhựa PPR và văn bản số 3384/UBND-XD ngày 04/12/2014 của UBND tỉnh về việc bổ sung một số khối lượng phát sinh và điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng công trình; chủ đầu tư đã ký kết với nhà thầu phụ lục điều chỉnh hợp đồng số 329b/2015/PLHĐ-XD ngày 28/01/2015 với giá trị bổ sung thêm là 16.277.222.000 đồng. Tổng giá trị hợp đồng của gói thầu số 01 sau khi bổ sung, điều chỉnh là 185.912.835.000 đồng (Bao gồm một phần sân bê tông, tường rào chưa thực hiện, hạng mục xây dựng tượng đài và đài phun nước không thực hiện là 2.535.679.013 đồng).

4. Về tiến độ giải ngân:

- Quỹ kế vốn đã được bố trí 268.894.253.000 đồng.

- Về tạm ứng, thanh toán hợp đồng gói thầu số 01:

- + Tạm ứng: Ngay sau khi ký hợp đồng ngày 29/11/2011 chủ đầu tư đã thực hiện thủ tục tạm ứng cho nhà thầu: 6.500.000.000 đồng, sau đó trong quá trình thi công chủ đầu tư tạm ứng tiếp cho nhà thầu 03 lần. Tổng số tiền tạm ứng 44.500.000.000 đồng.

- + Thanh toán: Chủ đầu tư đã thanh toán khối lượng hoàn thành và thu hồi tạm ứng theo đúng quy định hiện hành và theo đúng đề nghị thanh toán giá trị khối lượng hoàn thành của nhà thầu với 10 đợt thanh toán, tổng giá trị đã thanh toán là 178.409.298.000 đồng (kể cả phần khối lượng điều chỉnh, phát sinh ngoài hợp đồng đã được U có phép bổ sung) bằng 100% giá trị khối lượng hoàn thành từng đợt do nhà thầu đề nghị thanh toán, bằng 96% tổng giá trị gói thầu và bằng 98,23% tổng giá trị do hai bên chấp nhận để thẩm tra quyết toán (do còn một số công việc không thi công và giảm trừ khi rà soát khối lượng).

II. Về giải quyết các kiến nghị của đơn vị thi công:

Về số tiền phát sinh điều chỉnh giá nhân công, máy thi công và chênh lệch trượt giá vật liệu: Trong quá trình thi công xây dựng công trình vì có sự thay đổi mức lương tối thiểu vùng (theo Nghị định số 70/2011/NĐ-CP ngày 28/8/2011, Nghị định số 103/2012/NĐ-CP ngày 04/12/2012 và Nghị định số 182/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ); có sự chênh lệch giá nguyên vật liệu; dự toán, hồ sơ mời thầu tính thiếu khối lượng và có điều chỉnh thiết kế nên Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn và đơn vị thi công đã hợp đề nghị bổ sung phần khối lượng phát sinh và bổ sung chi phí chênh lệch nhân công, máy thi công và chênh lệch giá vật liệu xây dựng. Do vậy Bệnh viện L2 và bệnh Phổi có Tờ trình số 270/TTr-BVLP ngày 14/10/2014 đề nghị UBND tỉnh phê duyệt chủ trương bổ sung, điều chỉnh dự án.

- Ngày 21/10/2014, UBND tỉnh có văn bản số 2960/UBND-XD về việc kiểm tra khối lượng bổ sung, phát sinh, điều chỉnh dự án Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Quang, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan xem xét, tham mưu, đề xuất.

- Ngày 20/11/2014, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp cùng các Sở Xây dựng, Sở X1, Bệnh viện Lao và bệnh Phổi tổ chức họp xem xét các nội dung đề nghị của Bệnh viện L2 và bệnh Phổi;

- Ngày 24/11/2014, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản số 1138/SKH-XDCB báo cáo UBND tỉnh về chủ trương bổ sung, điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng công trình Bệnh viện L2 và bệnh Phổi, tỉnh Tuyên Quang.

- Ngày 04/12/2014, UBND tỉnh có văn bản số 3384/UBND-XD về việc chủ trương bổ sung một số khối lượng và điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng công trình Bệnh viện L2 và bệnh Phổi, tỉnh Tuyên Quang (đồng ý về chủ trương bổ sung một số khối lượng và điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng)

- Ngày 12/12/2014, Bệnh viện L2 và bệnh Phổi có Tờ trình số 347/TTr-BVLBP gửi Sở Xây dựng đề nghị thẩm tra dự toán xây dựng phần bổ sung khối lượng, điều chỉnh giá hợp đồng.

- Ngày 24/12/2014, Sở X1 đã có kết quả thẩm tra dự toán bổ sung tại văn bản số 1078/KQTT-SXD ngày 24/12/2014, trong đó kinh phí bổ sung gói thầu số 01 là: 54.307.329.000 triệu đồng, gồm:

+ Bổ sung chi phí nhân công, máy thi công: 26.502.994.000 đồng;

+ Bổ sung chênh lệch giá vật liệu: 11.424.316.000 đồng;

+ Bổ sung do phát sinh khối lượng: 16.380.082.000 đồng.

- Ngày 26/12/2014, Bệnh viện L2 và bệnh Phổi có Tờ trình số 348/TTr-BVLBP gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị thẩm định và phê duyệt bổ sung, điều chỉnh dự án (do giá trị dự toán bổ sung theo kết quả thẩm tra vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt).

- Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản số 1292/SKH-XDCB ngày 29/12/2014 và văn bản số 32/SKH-XDCB ngày 15/01/2015 báo cáo UBND tỉnh về việc điều chỉnh dự án và bổ sung, điều chỉnh giá hợp đồng công trình Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Quang, trong đó nêu việc bổ sung khối lượng phát sinh, mua sắm lắp đặt thiết bị y tế và toàn bộ các công việc của dự án không làm vượt tổng mức đầu

tư của dự án (không đề xuất nội dung bổ sung điều chỉnh chênh lệch giá vật liệu, nhân công, máy thi công).

- UBND tỉnh có văn bản số 214/UBND-XD ngày 27/01/2015 về việc tạm ứng khối lượng hoàn thành và điều chỉnh thời gian thi công công trình Bệnh viện L2 và bệnh Phổi tỉnh. Do đó Bệnh viện L2 và bệnh Phổi ra Quyết định số: 76/QĐ-GĐ ngày 28/01/2015 phê duyệt dự toán bổ sung phần khối lượng phát sinh và ký kết Phụ lục hợp đồng số 329b/2015/PLHĐ-XD ngày 28/01/2015 với giá trị bổ sung thêm là 16.277.222.000 đồng. Tổng giá trị hợp đồng của gói thầu số 01 sau khi bổ sung là 185.912.835.000 đồng.

- Ngày 21/12/2015, Công ty cổ phần X có văn bản số 211215/CV-PĐ gửi UBND tỉnh về việc điều chỉnh giá nhân công, máy thi công, vật liệu và phát sinh bổ sung hạng mục điều hòa.

- Ngày 31/12/2015, UBND tỉnh có văn bản số 3859/UBND-XD về việc giải quyết điều chỉnh đơn giá nhân công, máy thi công và một số hạng mục phát sinh gói thầu số 01 Dự án xây dựng Bệnh viện Lao và bệnh Phổi, trong đó giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở X1, Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan tham mưu đề xuất.

- Ngày 18/3/2016, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản số 203/SKH-XDCB báo cáo UBND tỉnh về việc thực hiện đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện L2 và bệnh Phổi tỉnh Tuyên Quang (kèm theo biên bản làm việc ngày 03/3/2016), trong đó có nội dung:

+ Việc đề nghị điều chỉnh đơn giá nhân công, máy thi công, vật liệu thi công của nhà thầu Công ty cổ phần X tại văn bản số 211215/CV-PĐ là không có cơ sở pháp lý, trên thực tế đơn giá đề nghị thanh toán từng đợt đã được nhà thầu tính toán qua các đợt nghiệm thu và đề nghị thanh toán được các bên nhất trí và cơ quan kiểm soát chi (Kho bạc nhà nước tỉnh T) nhất trí giải ngân. Việc bên B tự ý lắp đặt thiết bị điều hòa bổ sung tại một số vị trí khi chưa có chủ trương đầu tư và thiết kế được duyệt cũng như về yêu cầu sử dụng chưa thực sự cần thiết (theo ý kiến chủ đầu tư) vì vậy không có cơ sở pháp lý để bổ sung thêm hạng mục này vào hợp đồng.

+ Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo chủ đầu tư xây dựng công trình đôn đốc nhà thầu khẩn trương hoàn thiện hồ sơ hoàn công quyết toán công việc, hạng mục hoàn thành; tiếp tục thực hiện một cách quyết liệt phần khối lượng công việc còn lại của dự án, sớm hoàn thành toàn bộ dự án, tổ chức nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng phát huy hiệu quả vốn đầu tư; kiểm tra, xem xét kỹ để tiếp tục thanh toán cho nhà thầu phần kinh phí còn lại (nếu có) theo đúng quy định với các đơn giá thanh toán do nhà thầu thi công đã đề nghị thanh toán qua các đợt thanh toán và đã được các bên liên quan thống nhất và thực hiện, đảm bảo đúng các quy định về quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành.

Công ty CP X đã có nhiều văn bản gửi Chủ đầu tư, UBND tỉnh, Tỉnh ủy Tuyên Quang và gửi Thủ tướng, Phó Thủ tướng Chính phủ đề nghị UBND tỉnh T phê duyệt chủ trương bổ sung tổng mức đầu tư do điều chỉnh đơn giá nhân công, máy thi công và nguyên vật liệu xây dựng của gói thầu số 01.

UBND tỉnh T đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở và các đơn vị có liên quan căn cứ các quy định của pháp luật, hợp đồng thi công xây lắp gói thầu số 01, xem xét các nội dung đề nghị của Công ty CP X để đề xuất và báo cáo UBND tỉnh tại các Văn bản số 203/SKH-XDCB ngày 18/3/2016, Văn bản số 523/SKH-XDCB ngày 09/6/2016, Văn bản số 1306/SKH-XDCB ngày 01/12/2016 và Văn bản số 37/SXD-QLXD ngày 24/7/2017 (có các biên bản các cuộc họp kèm theo).

Ngày 21/02/2017, UBND tỉnh có văn bản số 400/UBND-XD về việc thanh, quyết toán gói thầu số 01: Thi công xây dựng công trình; mua sắm, lắp đặt trang thiết bị công trình (trừ thiết bị y tế) Dự án Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Quang gửi Công ty cổ phần X. Nội dung chính: Trong quá trình đề nghị thanh toán khối lượng hoàn thành của nhà thầu các bên đã thực hiện việc kiểm tra, tính toán, xác định giá trị tại từng thời điểm đề nghị thanh toán và kiểm soát chặt chẽ trước khi giải ngân, đảm bảo đúng các điều khoản đã nêu trong hợp đồng và đúng các quy định về thanh toán hợp đồng theo quy định của pháp luật.

Do không nhất trí với kết luận của UBND tỉnh T nên Công ty cổ phần X đã khởi kiện Chủ tịch UBND tỉnh T về việc khiếu kiện hành vi hành chính không phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư do thay đổi giá vật liệu, nhân công, máy thi công cho gói thầu số 1 và đã được Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đưa ra xét xử và kết luận tại bản án số: 31/2021/HC-ST ngày 17/12/2021 trong đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần X.

- Ngày 12/4/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội có Thông báo thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm theo đơn kháng cáo của Công ty cổ phần X.

- Ngày 27/9/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội có Quyết định số 442/2022/QĐ-PT hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án hành chính (do Công ty cổ phần X có văn bản xin rút đơn kiện và rút đơn kháng cáo; UBND tỉnh có văn bản số 3860/UBND-ĐTĐXD ngày 22/9/2022 đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của người khởi kiện)

III. Về việc Công ty cổ phần X khởi kiện yêu cầu Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Tuyên Quang thanh toán chi phí phát sinh từ Hợp đồng số 329/2011/HĐ-XD ngày 28/11/2011 giữa Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Q1 và Công ty cổ phần X:

Ngày 10/7/2023, Công ty cổ phần X có Đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang kiện Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Quang với nội dung:

- Buộc Bệnh viện Lao và Phổi Tuyên Q1 thanh toán cho Công ty cổ phần X tổng số tiền phát sinh tại gói thầu số 01 là 72.447.553.680 đồng (Bảy mươi hai tỷ, bốn trăm bốn mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn, sáu trăm tám mươi đồng); trong đó số tiền phát sinh đã được thẩm định tại văn bản kết quả thẩm tra dự toán bổ sung số 1078/KQTT-SXD ngày 24/12/2014 là 38.030.107.000 đồng + 3.998.862.845 đồng (là số tiền thiết bị điều hòa do Công ty X đã lắp đặt) = 42.018.969.845 đồng và tổng tiền lãi chậm trả tính từ ngày 05/12/2015 đến ngày 10/7/2023 (theo mức lãi suất cho vay của Ngân hàng N1 theo từng thời kỳ) là 30.428.583.835 đồng.

- Yêu cầu Bệnh viện L2 và Phổi T tiến hành thanh lý và thanh quyết toán hợp đồng số 329/2011/HĐ-XD ngày 28/11/2011 theo quy định của pháp luật.

1. Về số tiền phát sinh điều chỉnh giá nhân công, máy thi công và chênh lệch trượt giá vật liệu:

* Việc Công ty cổ phần X căn cứ vào văn bản kết quả thẩm tra dự toán bổ sung số 1078/KQTT-SXD ngày 24/12/2014 của Sở Xây dựng để buộc chủ đầu tư thanh toán số tiền phát sinh là không đúng quy định và không có cơ sở, cụ thể:

(1) Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, quy định về nguyên tắc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình: “3. *Tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình phải được dự tính theo đúng phương pháp, đủ các khoản mục chi phí theo quy định và phù hợp độ dài thời gian xây dựng công trình. Tổng mức đầu tư là chi phí tối đa mà chủ đầu tư được phép sử dụng để đầu tư xây dựng công trình.*”

(2) Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, quy định: “3. *Chủ đầu tư phê duyệt dự toán công trình (trừ các công trình chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật sẽ do người quyết định đầu tư phê duyệt) sau khi đã thẩm định hoặc thẩm tra và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả phê duyệt dự toán công trình. Dự toán công trình được phê duyệt là cơ sở để xác định giá gói thầu, giá xây dựng công trình và là căn cứ để đàm phán ký kết hợp đồng, thanh toán với nhà thầu trong trường hợp chỉ định thầu.*”

(3) Điểm c Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, quy định về quyền và trách nhiệm của chủ đầu tư: “c) *Tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt dự toán xây dựng công trình;*”

(4) Khoản 3, 4 Điều 15 Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ X2 hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, quy định:

“3. *Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định hoặc thẩm tra và phê duyệt dự toán công trình điều chỉnh.*

4. *Dự toán công trình điều chỉnh là cơ sở để điều chỉnh giá hợp đồng, giá gói thầu và điều chỉnh tổng mức đầu tư.*”

(5) Khoản 1 Điều 34 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng, quy định:

“1. *Việc điều chỉnh giá và điều chỉnh hợp đồng xây dựng chỉ áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng theo hợp đồng đã ký. Khi điều chỉnh giá và hợp đồng xây dựng (giá hợp đồng sau điều chỉnh) không làm vượt tổng mức đầu tư được phê duyệt thì chủ đầu tư được quyền quyết định điều chỉnh, trường hợp vượt tổng mức đầu tư được phê duyệt thì phải báo cáo Người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép.*”

(6) Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, quy định:

“1. *Dự toán công trình được điều chỉnh trong các trường hợp sau đây:*

a) Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

b) Các trường hợp được phép thay đổi, bổ sung thiết kế không trái với thiết kế cơ sở hoặc thay đổi cơ cấu chi phí trong dự toán nhưng không vượt tổng mức đầu tư công trình đã được phê duyệt, kể cả chi phí dự phòng.”

(7) Khoản 1, 2, 3 Điều 7 Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, quy định:

“Điều 7. Điều chỉnh tổng mức đầu tư

1. Tổng mức đầu tư đã được phê duyệt chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp điều chỉnh dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản mà làm thay đổi tổng mức đầu tư (tăng hoặc giảm).

2. Người quyết định đầu tư quyết định việc phê duyệt tổng mức đầu tư điều chỉnh. Trường hợp tổng mức đầu tư điều chỉnh không vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt và không làm thay đổi địa điểm, quy mô, mục tiêu của dự án thì chủ đầu tư tự quyết định và chịu trách nhiệm về việc phê duyệt tổng mức đầu tư điều chỉnh.”

3. Phần tổng mức đầu tư điều chỉnh thay đổi so với tổng mức đầu tư đã được phê duyệt phải được tổ chức thẩm định hoặc thẩm tra trước khi phê duyệt.”

(8) Điều 40 Luật Xây dựng 2003 (được sửa đổi, bổ sung theo Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản năm 2009) quy định:

“Điều 40. Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình có sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên

1. Dự án đầu tư xây dựng công trình có sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên được điều chỉnh khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Do ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, dịch họa hoặc sự kiện bất khả kháng khác;

b) Xuất hiện các yếu tố đem lại hiệu quả cao hơn cho dự án;

c) Khi quy hoạch xây dựng thay đổi trực tiếp ảnh hưởng đến địa điểm, quy mô, mục tiêu của dự án;

d) Các trường hợp khác theo quy định của Chính phủ.

2. Khi việc điều chỉnh dự án làm thay đổi địa điểm, quy mô, mục tiêu dự án, vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt thì chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư quyết định; trường hợp điều chỉnh dự án không làm thay đổi địa điểm, quy mô, mục tiêu dự án, không vượt tổng mức đầu tư thì chủ đầu tư được tự quyết định.

3. Nội dung điều chỉnh dự án phải được thẩm định trước khi quyết định.”

(9) Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (được sửa đổi theo khoản 3 Điều 1 Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009) quy định:

“Điều 14. Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình

1. Dự án đầu tư xây dựng công trình có sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên được điều chỉnh khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Bị ảnh hưởng bởi thiên tai như động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, dịch họa hoặc sự kiện bất khả kháng khác;

b) Xuất hiện các yếu tố đem lại hiệu quả cao hơn cho dự án;

c) Khi quy hoạch xây dựng thay đổi trực tiếp ảnh hưởng đến địa điểm, quy mô, mục tiêu của dự án.

2. Khi việc điều chỉnh dự án làm thay đổi địa điểm, quy mô, mục tiêu dự án, vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt thì chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư quyết định; trường hợp điều chỉnh dự án không làm thay đổi địa điểm, quy mô, mục tiêu dự án, không vượt tổng mức đầu tư thì chủ đầu tư được tự quyết định. Những nội dung điều chỉnh dự án phải được thẩm định trước khi quyết định.

Trường hợp điều chỉnh dự án không phù hợp với quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì phải lấy ý kiến của cơ quan này.”

Tại phần kết luận thẩm tra trong văn bản số 1078/KQTT-SXD ngày 24/12/2014 của Sở Xây dựng cũng đã ghi rõ “Văn bản thẩm tra này làm cơ sở để chủ đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án” Cho nên giá trị dự toán được Sở Xây dựng thẩm tra mới chỉ là giá trị dự tính để làm cơ sở để cơ quan chức năng, người có thẩm quyền xem xét khi thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư, đồng thời theo nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ thì giá trị dự toán được Sở Xây dựng thẩm tra mới chỉ là giá trị dự tính để làm cơ sở để cơ quan chức năng, người có thẩm quyền xem xét khi thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư. Như vậy văn bản thẩm tra của Sở Xây dựng chưa phải là cơ sở để chủ đầu tư thực hiện việc thẩm định, phê duyệt dự toán điều chỉnh, bổ sung theo thẩm quyền.

Do giá trị dự toán bổ sung phần chênh lệch giá vật liệu, nhân công, máy thi công làm vượt tổng mức đầu tư của dự án đã được phê duyệt nên theo quy định chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư cho phép điều chỉnh dự án, điều chỉnh tổng mức đầu tư.

Trong trường hợp nếu được người quyết định đầu tư cho phép điều chỉnh tổng mức đầu tư thì sẽ phải thực hiện việc thẩm định hoặc thẩm tra tổng mức đầu tư điều chỉnh trước khi phê duyệt và sau khi người quyết định đầu tư phê duyệt tổng mức đầu tư điều chỉnh thì chủ đầu tư mới có cơ sở để triển khai thực hiện các bước tiếp theo như điều chỉnh dự toán, điều chỉnh hợp đồng theo đúng trình tự đầu tư xây dựng. Tuy nhiên do việc bổ sung chênh lệch giá vật liệu, nhân công, máy thi công làm vượt tổng mức đầu tư nhưng không thuộc trường hợp được điều chỉnh dự án, điều chỉnh tổng mức đầu tư theo quy định nên người quyết định đầu tư không đồng ý cho điều chỉnh tổng mức đầu tư, dẫn đến dự toán bổ sung phần chênh lệch giá vật liệu, nhân công, máy thi công không đủ điều kiện để chủ đầu tư phê duyệt; đồng thời giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu cũng chưa ký kết bổ sung phụ lục hợp đồng đối với phần giá trị chênh lệch này nên không có cơ sở để thanh toán.

* Căn cứ theo các quy định về điều chỉnh giá, điều chỉnh hợp đồng xây dựng, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu:

(1) Khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 36 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng, quy định:

“1. Việc điều chỉnh giá hợp đồng chỉ áp dụng đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh và hợp đồng theo thời gian. Trong hợp đồng xây dựng các bên phải thỏa thuận cụ thể các trường hợp được điều chỉnh giá hợp đồng, trình tự, phạm vi, phương pháp và căn cứ điều chỉnh giá hợp đồng; phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng phải phù hợp với loại giá hợp đồng, tính chất công việc trong hợp đồng xây dựng.

2. Việc điều chỉnh giá hợp đồng được thực hiện thông qua việc điều chỉnh đơn giá, điều chỉnh khối lượng và được quy định như sau:

a)

b)

c)

d) Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, thì đơn giá trong hợp đồng được điều chỉnh theo phương pháp hướng dẫn tại khoản 3, 4 Điều này cho những khối lượng công việc mà tại thời điểm ký hợp đồng, bên giao thầu và bên nhận thầu cam kết sẽ điều chỉnh lại đơn giá do trượt giá sau một khoảng thời gian nhất định kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

(2) Điểm b Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 08/2010/TT-BXD ngày 29/7/2010 của Bộ X2 về hướng dẫn phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng, quy định:

“3. Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:

a)

b) Tại thời điểm ký hợp đồng, các bên thỏa thuận sẽ điều chỉnh lại đơn giá cho những khối lượng công việc được điều chỉnh giá do trượt giá sau một khoảng thời gian nhất định kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.”

Căn cứ theo các quy định trên thì đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh thì trong hợp đồng xây dựng các bên phải thỏa thuận cụ thể các trường hợp được điều chỉnh giá hợp đồng, trình tự, phạm vi, phương pháp và căn cứ điều chỉnh giá hợp đồng; đồng thời tại thời điểm ký hợp đồng, các bên phải thỏa thuận sẽ điều chỉnh lại đơn giá cho những khối lượng công việc được điều chỉnh giá do trượt giá sau một khoảng thời gian nhất định kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Tuy nhiên trong Điều 8 Hợp đồng số 329/2011/HĐ-XD ngày 28/11/2011 giữa Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Q1 và Công ty cổ phần X, mặc dù có ghi là hợp đồng có điều chỉnh giá và Giá hợp đồng chỉ được điều chỉnh theo quy định tại Điều 9 Hợp đồng, nhưng tại Điều 9 Hợp đồng lại vi phạm việc điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo Điều 7 Thông tư số 08/2010/TT-BXD ngày 29/7/2010 của Bộ X2 về hướng dẫn phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng, trong khi đó Điều 7 Thông tư số 08/2010/TT-BXD ngày 29/7/2010 của Bộ X2 chỉ quy định về phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá điều

chính. Như vậy, trong Hợp đồng số 329/2011/HĐ-XD ngày 28/11/2011 các bên không có thỏa thuận cụ thể về các trường hợp được điều chỉnh giá hợp đồng, trình tự, phạm vi, phương pháp và căn cứ điều chỉnh giá hợp đồng và cũng không có thỏa thuận sẽ điều chỉnh lại đơn giá cho những khối lượng công việc được điều chỉnh giá do trượt giá sau một khoảng thời gian nhất định. Nội dung này đã được chỉ rõ trong biên bản làm việc giữa các cơ quan chức năng của tỉnh với Chủ đầu tư và Nhà thầu ngày 20/11/2014, như vậy có nghĩa là nhà thầu đã biết về nội dung này và không có ý kiến gì. Mặt khác ngoài phụ lục hợp đồng số 329b/2015/HĐ-XD được hai bên ký kết bổ sung ngày 28/01/2015 về việc điều chỉnh giá hợp đồng cho khối lượng phát sinh, không có phụ lục hợp đồng hoặc thỏa thuận nào khác về việc điều chỉnh giá hợp đồng do thay đổi giá vật liệu, nhân công, máy thi công.

Do đó, trong trường hợp này mặc dù hình thức hợp đồng được áp dụng là hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh nhưng do các bên không có thỏa thuận cụ thể nên trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh chi phí trượt giá do chênh lệch giá vật liệu, nhân công, máy thi công thì cũng không có cơ sở để thực hiện việc điều chỉnh giá đối với Hợp đồng số 329/2011/HĐ-XD ngày 28/11/2011 giữa Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Q1 và Công ty cổ phần X.

* Căn cứ theo các quy định về thanh toán hợp đồng xây dựng và hồ sơ thanh toán hợp đồng trên thực tế:

(1) Khoản 1, 2, 3, 5 Điều 18 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng, quy định về thanh toán hợp đồng xây dựng như sau:

“1. Việc thanh toán hợp đồng xây dựng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng mà các bên đã ký kết.

2. Các bên thỏa thuận trong hợp đồng về số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, thời hạn thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán.

3. Bên giao thầu phải thanh toán đầy đủ (100%) giá trị của từng lần thanh toán cho bên nhận thầu sau khi đã giảm trừ tiền tạm ứng, tiền bảo hành công trình theo thỏa thuận trong hợp đồng, trừ trường hợp các bên có quy định khác.

4.

5. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định và đơn giá điều chỉnh: được thực hiện trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm, nếu có) được nghiệm thu và đơn giá trong hợp đồng hoặc đơn giá đã điều chỉnh do trượt giá theo đúng các thỏa thuận trong hợp đồng.”

(2) Khoản 1, 2, 3, 5 Điều 19 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng, quy định về Hồ sơ thanh toán hợp đồng xây dựng như sau:

“1. Hồ sơ thanh toán hợp đồng xây dựng do bên nhận thầu lập phù hợp với từng loại hợp đồng xây dựng, giá hợp đồng và các thỏa thuận trong hợp đồng. Hồ sơ thanh toán (bao gồm cả biểu mẫu nếu có) phải được ghi rõ trong hợp đồng xây dựng và phải được bên giao thầu xác nhận.

2. Hồ sơ thanh toán hợp đồng bao gồm các tài liệu chủ yếu sau:

a) Đối với hợp đồng trọn gói:

b) Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:

c) Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế (tăng hoặc giảm so với khối lượng theo hợp đồng) trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu;

- Bảng tính đơn giá đã điều chỉnh do trượt giá (còn gọi là đơn giá thanh toán) theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện nhà tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu;

- Bảng tính giá trị cho những công việc chưa có đơn giá trong hợp đồng (nếu có), trong đó cần thể hiện cả khối lượng và đơn giá cho các công việc này có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu;

- Đề nghị thanh toán của bên nhận thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu.”

(3) Điểm 1.3 Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ T1 quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước, quy định:

“1.3. Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:

Thanh toán trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm được phê duyệt theo thẩm quyền, nếu có) được nghiệm thu và đơn giá đã điều chỉnh do trượt giá theo đúng các thỏa thuận trong của hợp đồng.”

(4) Theo khoản 8.7 Điều 8 Hợp đồng số 329/2011/HĐ-XD ngày 28/11/2011 giữa Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Q1 (chủ đầu tư) và Công ty cổ phần X thì các bên đã thỏa thuận hồ sơ thanh toán gồm có:

“- Công văn đề nghị thanh toán của Nhà thầu (ghi rõ giai đoạn hoàn thành, giá trị hoàn thành, giá trị tăng thêm so với hợp đồng (nếu có), giá trị đã tạm ứng, giá trị đã thanh toán ở giai đoạn trước và giá trị đề nghị thanh toán);

- Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo giai đoạn được nghiệm thu;

- Bảng xác nhận giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng;

- Bảng xác nhận giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng;

- Bảng tính giá trị đề nghị đề nghị thanh toán bao gồm các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh ngoài hợp đồng, chiết khấu tiền tạm ứng, giá trị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản trên;

- Hợp đồng kinh tế thi công xây dựng công trình (bản sao);

- Giá trị thanh toán cho từng giai đoạn: Căn cứ vào bảng tính giá trị khối lượng hoàn thành thanh toán cho từng giai đoạn có xác nhận của hai bên, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo kế hoạch vốn được cấp và giữ lại 5% bảo hành công trình.”

Ngoài ra, theo Mẫu hợp đồng thi công xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 09/2011/TT-BXD ngày 28/6/2011 của Bộ X2 và trong Hợp đồng số 329/2011/HĐ-XD ngày 28/11/2011 còn có 04 Phụ lục kèm theo gồm: Phụ lục 1 - Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán; Phụ lục 2- Bảng xác định khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng; Phụ lục 3 - Bảng xác định đơn giá điều chỉnh theo quy định của hợp đồng; Phụ lục 4- Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng.

Căn cứ theo các quy định pháp luật nêu trên và nội dung thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu thì khi thanh toán Nhà thầu phải lập bảng tính giá trị khối lượng hoàn thành thanh toán cho từng giai đoạn có xác nhận của hai bên, trong đó phải bao gồm cả giá trị tăng thêm so với hợp đồng (nếu có); giá trị thanh toán được xác định cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm được phê duyệt theo thẩm quyền, nếu có) được nghiệm thu và đơn giá thanh toán là đơn giá đã điều chỉnh do trượt giá theo đúng các thỏa thuận trong của hợp đồng (*các bảng tính này phải được lập theo 04 Phụ lục nêu trên*).

Trong quá trình thi công, Chủ đầu tư đã có 10 đợt thanh toán cho nhà thầu theo đề nghị, tổng giá trị đã thanh toán là 178.409.298.000 đồng đạt 100% giá trị khối lượng hoàn thành và đơn giá thanh toán theo đề nghị của nhà thầu; đạt 98,23% so với giá trị khối lượng hai bên chấp thuận để thẩm tra quyết toán $178.409.298.000/181.629.253.000$ đồng (*do một số khối lượng theo hợp đồng nhưng không thi công và có khối lượng giảm trừ khi rà soát khối lượng*). Đồng thời, trong các lần thanh toán Nhà thầu không lập Bảng xác định đơn giá điều chỉnh theo Phụ lục 3 Hợp đồng số 329/2011/HĐ-XD ngày 28/11/2011. Như vậy, được hiểu rằng khi lập bảng tính giá trị khối lượng hoàn thành thanh toán cho từng giai đoạn thì Nhà thầu đã chấp nhận thanh toán theo đúng đơn giá hợp đồng đã ký kết, không tính giá trị phần tăng thêm do trượt giá, nên việc Nhà thầu đòi thanh toán đối với số tiền do chênh lệch giá vật liệu, nhân công, máy thi công của gói thầu số 01 là: 38.030.107.000 đồng (Ba mươi tám tỷ không trăm ba mươi triệu một trăm lẻ bảy nghìn đồng) là không đúng quy định và không có cơ sở.

2. Về yêu cầu việc thanh toán lắp đặt thiết bị điều hoà:

- Ngày 01/5/2014, Công ty cổ phần X có văn bản số 0105/CV-PĐ đề nghị chủ đầu tư bổ sung hệ thống điều hoà không khí cho các hạng mục.

- Ngày 20/6/2014, Chủ đầu tư đã có văn bản số 173a/BVL&BP-XDCB trả lời nhà thầu là tạm thời chưa mua sắm, lắp đặt bổ sung hệ thống điều hoà còn thiếu chờ chủ đầu tư trình UBND phê duyệt chủ trương phát sinh khối lượng.

- Ngày 29/12/2015, Chủ đầu tư đã có văn bản số 295/BVLBP-XDCB gửi nhà thầu trong đó nói rõ không có nhu cầu lắp thêm điều hoà ngoài phần đã được phê duyệt bổ sung.

- Việc nhà thầu tự ý lắp đặt thiết bị điều hoà khi không có trong hồ sơ thiết kế, dự toán khối lượng bổ sung được chủ đầu tư phê duyệt và cũng không có trong phụ lục hợp đồng số 329b/PLHĐ-XD ngày 28/01/2015, vì vậy không có biên bản nghiệm thu và bàn giao các thiết bị điều hoà này giữa chủ đầu tư và đơn vị thi công.

- Ngày 21/02/2017, UBND tỉnh có văn bản số 400/UBND-XD về việc thanh, quyết toán gói thầu số 01, trong đó nêu rõ: Việc nhà thầu thi công tự ý lắp đặt thiết bị điều hoà tại một số vị trí khi chưa có Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư và thiết kế được duyệt nên không được thanh toán chi phí này.

- Ngày 05/6/2017, Công ty cổ phần X có văn bản số 050617/CV-PĐ gửi Chủ đầu tư trong đó đơn vị thi công đã đề xuất nếu chủ đầu tư không nhất trí thì Công ty sẽ chủ động tháo dỡ và chịu toàn bộ phí tổn. Tuy nhiên, đến nay Nhà thầu vẫn chưa tháo dỡ và yêu cầu thanh toán chi phí lắp đặt điều hoà.

Như vậy việc Nhà thầu thi công tự ý lắp đặt thiết bị điều hoà vào công trình khi các thiết bị này không có trong hồ sơ thiết kế được duyệt là không đúng quy định, các khối lượng công việc này không có trong hợp đồng xây dựng đã ký kết giữa các bên. Do đó chủ đầu tư không có nghĩa vụ phải thanh toán cho nhà thầu khoản chi phí này.

3. Về việc nhà thầu đề nghị thanh toán tiền lãi chậm trả là không có cơ sở pháp lý vì số tiền nhà thầu yêu cầu chủ đầu tư phải thanh toán:

- Thay đổi giá vật liệu, nhân công, máy thi công của gói thầu số 1 là: 38.030.107.000đ (*Ba mươi tám tỷ không trăm ba mươi triệu một trăm lẻ bảy nghìn đồng*)

Mới chỉ là con số dự toán để xin điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt nên không phải chủ đầu tư nợ nhà thầu.

- Lắp đặt thiết bị điều hoà là: 3.988.862.845đ (*Ba tỷ chín trăm tám mươi tám triệu tám trăm sáu hai nghìn tám trăm bốn trăm năm nghìn đồng*)

Do đơn vị thi công tự ý lắp đặt vào công trình không được sự đồng ý của chủ đầu tư và cấp có thẩm quyền phê duyệt nên cũng không phải chủ đầu tư nợ nhà thầu.

Do vậy toàn bộ số tiền trên không phải là chủ đầu tư nợ nhà thầu chậm trả nên không có cơ sở tính lãi.

Mặt khác đến nay Chủ đầu tư đã có 10 đợt thanh toán cho nhà thầu theo đề nghị, tổng giá trị đã thanh toán là 178.409.298.000 đồng đạt 100% giá trị khối lượng hoàn thành và đơn giá thanh toán theo đề nghị của nhà thầu, do đó Chủ đầu tư không nợ nhà thầu nên việc tính số tiền lãi chậm trả là không đúng quy định và không có cơ sở.

4. Về việc tiến hành thanh lý, thanh quyết toán cho nhà thầu

Chủ đầu tư đã có 10 đợt thanh toán cho nhà thầu theo đề nghị, trong đó có 02 văn bản đôn đốc, nhắc nhở nhà thầu triển khai để giải ngân kế hoạch vốn đầu tư năm 2017.

Chủ đầu tư đã 10 lần gửi văn bản đề nghị Nhà thầu đến phối hợp để thực hiện việc quyết toán công trình (đợt 1 có 6 văn bản, đợt 2 có 4 văn bản).

Tuy nhiên đến nay Nhà thầu vẫn chưa có sự phối hợp với Chủ đầu tư để thực hiện quyết toán công trình.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh X1 (nay là Sở tài chính tỉnh X1) trình bày:**

1. Các nội dung liên quan đến quá trình kiến nghị của Công ty cổ phần X và kết quả giải quyết:

Trong quá trình thi công xây dựng công trình vì có sự thay đổi mức lương tối thiểu vùng (theo Nghị định số 70/2011/NĐ-CP ngày 28/8/2011, Nghị định số 103/2012/NĐ-CP ngày 04/12/2012 và Nghị định số 182/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ); có sự chênh lệch giá nguyên vật liệu; dự toán, hồ sơ mời thầu tính thiếu khối lượng và có điều chỉnh thiết kế nên Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn và đơn vị thi công đã hợp đề nghị bổ sung phần khối lượng phát sinh và bổ sung chi phí chênh lệch nhân công, máy thi công và chênh lệch giá vật liệu xây dựng.

- Ngày 14/10/2014, Bệnh viện L2 và bệnh Phổi có Tờ trình số 270/TTr-BVL2 đề nghị UBND tỉnh phê duyệt chủ trương bổ sung, điều chỉnh dự án.

- Ngày 21/10/2014, UBND tỉnh có Văn bản số 2960/UBND-XD về việc kiểm tra khối lượng bổ sung, phát sinh, điều chỉnh dự án Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Quang, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan xem xét, tham mưu, đề xuất.

- Ngày 20/11/2014, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp cùng các Sở Xây dựng, Sở X1, Bệnh viện Lao và bệnh Phổi tổ chức họp xem xét các nội dung đề nghị của Bệnh viện L2 và bệnh Phổi;

- Ngày 24/11/2014, Sở Kế hoạch và Đầu tư có Văn bản số 1138/SKH-XDCB báo cáo UBND tỉnh về chủ trương bổ sung, điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng công trình Bệnh viện L2 và bệnh Phổi, tỉnh Tuyên Quang.

- Ngày 04/12/2014, UBND tỉnh có Văn bản số 3384/UBND-XD về việc chủ trương bổ sung một số khối lượng và điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng công trình Bệnh viện L2 và bệnh Phổi, tỉnh Tuyên Quang (đồng ý về chủ trương bổ sung một số khối lượng và điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng)

- Trên cơ sở văn bản số 1078/KQTT-SXD của Sở Xây dựng về kết quả thẩm tra dự toán bổ sung, ngày 26/12/2014, Bệnh viện L2 và bệnh Phổi có Tờ trình số 348/TTr-BVLBP gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị thẩm định và phê duyệt bổ sung, điều chỉnh dự án (do giá trị dự toán bổ sung theo kết quả thẩm tra vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt).

- Sở Kế hoạch và Đầu tư có Văn bản số 1292/SKH-XDCB ngày 29/12/2014 và Văn bản số 32/SKH-XDCB ngày 15/01/2015 báo cáo UBND tỉnh về việc điều chỉnh dự án và bổ sung, điều chỉnh giá hợp đồng công trình Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Quang, trong đó nêu việc bổ sung khối lượng phát sinh, mua sắm lắp đặt thiết bị y tế và toàn bộ các công việc của dự án không làm vượt tổng mức đầu tư của dự án (*không đề xuất nội dung bổ sung điều chỉnh nhân công, máy thi công, vật liệu*)

- Ngày 27/01/2015, UBND tỉnh có Văn bản số 214/UBND-XD về việc tạm ứng khối lượng hoàn thành và điều chỉnh thời gian thi công công trình Bệnh viện L2 và bệnh Phổi tỉnh.

- Ngày 28/01/2015, Bệnh viện L2 và bệnh Phổi có Quyết định số 76/QĐ-GD phê duyệt dự toán bổ sung phần khối lượng phát sinh và ký kết Phụ lục hợp đồng số 329b/2015/PLHĐ-XD ngày 28/01/2015 với giá trị bổ sung thêm là

16.277.222.000 đồng. Tổng giá trị hợp đồng của gói thầu số 01 sau khi bổ sung là 185.912.835.000 đồng.

- Ngày 21/12/2015, Công ty cổ phần X có Văn bản số 211215/CV-PĐ gửi UBND tỉnh về việc điều chỉnh giá nhân công, máy thi công, vật liệu và phát sinh bổ sung hạng mục điều hòa.

- Ngày 31/12/2015, UBND tỉnh có Văn bản số 3859/UBND-XD về việc giải quyết điều chỉnh đơn giá nhân công, máy thi công và một số hạng mục phát sinh gói thầu số 01 Dự án xây dựng Bệnh viện Lao và bệnh Phổi, trong đó giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở X1, Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan tham mưu đề xuất.

- Ngày 18/3/2016, Sở Kế hoạch và Đầu tư có Văn bản số 203/SKH-XDCB báo cáo UBND tỉnh về việc thực hiện đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện L2 và bệnh Phổi tỉnh Tuyên Quang (kèm theo biên bản làm việc ngày 03/3/2016), trong đó có nội dung:

- + Việc đề nghị điều chỉnh đơn giá nhân công, máy thi công, vật liệu thi công của nhà thầu Công ty cổ phần X tại Văn bản số 211215/CV-PĐ là không có cơ sở pháp lý, trên thực tế đơn giá đề nghị thanh toán từng đợt đã được nhà thầu tính toán qua các đợt nghiệm thu và đề nghị thanh toán được các bên nhất trí và cơ quan kiểm soát chi (Kho bạc nhà nước tỉnh T) nhất trí giải ngân. Việc bên B tự ý lắp đặt thiết bị điều hòa bổ sung tại một số vị trí khi chưa có chủ trương đầu tư và thiết kế được duyệt cũng như về yêu cầu sử dụng chưa thực sự cần thiết (theo ý kiến chủ đầu tư) vì vậy không có cơ sở pháp lý để bổ sung thêm hạng mục này vào hợp đồng.

- + Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo chủ đầu tư xây dựng công trình đôn đốc nhà thầu khẩn trương hoàn thiện hồ sơ hoàn công quyết toán công việc, hạng mục hoàn thành; tiếp tục thực hiện một cách quyết liệt phần khối lượng công việc còn lại của dự án, sớm hoàn thành toàn bộ dự án, tổ chức nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng phát huy hiệu quả vốn đầu tư; kiểm tra, xem xét kỹ để tiếp tục thanh toán cho nhà thầu phần kinh phí còn lại (nếu có) theo đúng quy định với các đơn giá thanh toán do nhà thầu thi công đã đề nghị thanh toán qua các đợt thanh toán và đã được các bên liên quan thống nhất và thực hiện, đảm bảo đúng các quy định về quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành.

- Sau đó Công ty cổ phần X có văn bản gửi đến Cục Q2 - Bộ X2 để xin hướng dẫn. Ngày 21/12/2016, Cục Q2 có Văn bản số 472/HĐXD-TK gửi UBND tỉnh về việc bù lương nhân công, máy thi công công trình Bệnh viện L2 và bệnh Phổi.

- Ngày 10/11/2016, UBND tỉnh có Văn bản số 3148/UBND-XD về việc đề xuất bù giá nhân công, máy thi công công trình Bệnh viện L2 và bệnh Phổi, trong đó giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở X1, Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan tham mưu đề xuất.

- Ngày 01/12/2016, Sở Kế hoạch và Đầu tư có Văn bản số 1306/SKH-XDCB báo cáo UBND tỉnh về việc thực hiện đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện L2 và bệnh Phổi tỉnh Tuyên Quang (kèm theo biên bản làm việc ngày 22/11/2016).

- Ngày 21/02/2017, UBND tỉnh có Văn bản số 400/UBND-XD về việc thanh, quyết toán gói thầu số 01: Thi công xây dựng công trình; mua sắm, lắp đặt trang thiết bị công trình (trừ thiết bị y tế) Dự án Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Quang gửi Công ty cổ phần X. Nội dung chính: Trong quá trình đề nghị thanh toán khối lượng hoàn thành của nhà thầu các bên đã thực hiện việc kiểm tra, tính toán, xác định giá trị tại từng thời điểm đề nghị thanh toán và kiểm soát chặt chẽ trước khi giải ngân, đảm bảo đúng các điều khoản đã nêu trong hợp đồng và đúng các quy định về thanh toán hợp đồng theo quy định của pháp luật.

- Ngày 10/5/2016, Văn phòng C1 có Văn bản số 3211/VPCP-VI gửi UBND tỉnh T về việc đơn phản ánh, kiến nghị của Công ty cổ phần X (kèm theo Văn bản số 180416/CV- PD ngày 25/4/2016 của Công ty cổ phần X gửi Thủ tướng, Phó thủ tướng Chính phủ và Văn phòng C1).

- Ngày 17/5/2016, UBND tỉnh có Văn bản số 1154/UBND-XD về việc đề xuất báo cáo Văn phòng Chính phủ về kiến nghị của Công ty cổ phần X, trong đó giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở X1, Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan tham mưu đề xuất.

- Ngày 09/6/2016, Sở Kế hoạch và Đầu tư có Văn bản số 523/SKH-XDCB báo cáo UBND tỉnh về việc thực hiện thanh toán vốn đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện L2 và bệnh Phổi tỉnh Tuyên Quang (kèm theo biên bản làm việc ngày 24/5/2016).

- Ngày 16/6/2016, UBND tỉnh có Văn bản số 1520/UBND-XD báo cáo Văn phòng C1 về thanh toán vốn đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Quang cho Công ty cổ phần X. Nội dung chính: Trong quá trình đề nghị thanh toán khối lượng hoàn thành của nhà thầu các bên đã thực hiện việc kiểm tra, tính toán, xác định giá trị tại từng thời điểm đề nghị thanh toán và kiểm soát chặt chẽ trước khi giải ngân, đảm bảo đúng các điều khoản đã nêu trong hợp đồng và đúng các quy định về thanh toán hợp đồng theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung Công ty cổ phần X khởi kiện buộc Bệnh viện L2 và Phổi Tuyên Q1 thanh toán cho Công ty cổ phần X tổng số tiền phát sinh tại gói thầu số 01 là 72.447.553.680 đồng (Bảy mươi hai tỷ, bốn trăm bốn mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn, sáu trăm tám mươi đồng); trong đó số tiền phát sinh đã được thẩm định tại văn bản kết quả thẩm tra dự toán bổ sung số 1078/KQTT-SXD ngày 24/12/2014 là 38.030.107.000 đồng + 3.998.862.845 đồng (là số tiền thiết bị điều hòa do Công ty cổ phần X đã lắp đặt) = 42.018.969.845 đồng và tổng tiền lãi chậm trả tính từ ngày 05/12/2015 đến ngày 10/7/2023 (theo mức lãi suất cho vay của Ngân hàng N1 theo từng thời kỳ) là 30.428.583.835 đồng là không đúng quy định và không có cơ sở pháp lý, vì những lý do sau:

Thứ nhất: Căn cứ theo các quy định về điều chỉnh giá, điều chỉnh hợp đồng xây dựng, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu:

“1. Việc điều chỉnh giá hợp đồng chỉ áp dụng đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh và hợp đồng theo thời gian. Trong hợp đồng xây dựng các bên phải thỏa thuận cụ thể các trường hợp được điều chỉnh giá hợp đồng, trình tự, phạm vi, phương pháp và căn cứ điều chỉnh giá hợp đồng; phương pháp

điều chỉnh giá hợp đồng phải phù hợp với loại giá hợp đồng, tính chất công việc trong hợp đồng xây dựng.

2. Việc điều chỉnh giá hợp đồng được thực hiện thông qua việc điều chỉnh đơn giá, điều chỉnh khối lượng và được quy định như sau:

...

d) Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, thì đơn giá trong hợp đồng được điều chỉnh theo phương pháp hướng dẫn tại khoản 3, 4 Điều này cho những khối lượng công việc mà tại thời điểm ký hợp đồng, bên giao thầu và bên nhận thầu cam kết sẽ điều chỉnh lại đơn giá do trượt giá sau một khoảng thời gian nhất định kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

(2) Điểm b Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 08/2010/TT-BXD ngày 29/7/2010 của Bộ X2 về hướng dẫn phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng, quy định:

“3. Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:

a)

b) Tại thời điểm ký hợp đồng, các bên thoả thuận sẽ điều chỉnh lại đơn giá cho những khối lượng công việc được điều chỉnh giá do trượt giá sau một khoảng thời gian nhất định kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.”

Căn cứ theo các quy định trên thì đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh thì trong hợp đồng xây dựng các bên phải thỏa thuận cụ thể các trường hợp được điều chỉnh giá hợp đồng, trình tự, phạm vi, phương pháp và căn cứ điều chỉnh giá hợp đồng; đồng thời tại thời điểm ký hợp đồng, các bên phải thoả thuận sẽ điều chỉnh lại đơn giá cho những khối lượng công việc được điều chỉnh giá do trượt giá sau một khoảng thời gian nhất định kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Tuy nhiên trong Điều 8 Hợp đồng số 329/2011/HĐ-XD ngày 28/11/2011 giữa Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Q1 và Công ty cổ phần X, mặc dù có ghi là hợp đồng có điều chỉnh giá và Giá hợp đồng chỉ được điều chỉnh theo quy định tại Điều 9 Hợp đồng, nhưng tại Điều 9 Hợp đồng lại viển vông việc điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo Điều 7 Thông tư số 08/2010/TT-BXD ngày 29/7/2010 của Bộ X2 về hướng dẫn phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng, trong khi đó Điều 7 Thông tư số 08/2010/TT-BXD ngày 29/7/2010 của Bộ X2 chỉ quy định về phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh. Như vậy, trong Hợp đồng số 329/2011/HĐ-XD ngày 28/11/2011 các bên không có thỏa thuận cụ thể về các trường hợp được điều chỉnh giá hợp đồng, trình tự, phạm vi, phương pháp và căn cứ điều chỉnh giá hợp đồng và cũng không có thỏa thuận sẽ điều chỉnh lại đơn giá cho những khối lượng công việc được điều chỉnh giá do trượt giá sau một khoảng thời gian nhất định. Nội dung này đã được chỉ rõ trong biên bản làm việc giữa các cơ quan chức năng của tỉnh với Chủ đầu tư và Nhà thầu ngày 20/11/2014, như vậy có nghĩa là nhà thầu đã biết về nội dung này và không có ý kiến gì. Mặt khác ngoài phụ lục hợp đồng số 329b/2015/HĐ-XD được hai bên ký kết bổ sung ngày 28/01/2015 về việc điều chỉnh giá hợp đồng cho khối lượng phát sinh, không có phụ lục hợp đồng hoặc thỏa thuận nào khác về việc điều chỉnh giá hợp đồng do thay đổi giá vật liệu, nhân công, máy thi công.

Do đó, trong trường hợp này mặc dù hình thức hợp đồng được áp dụng là hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh nhưng do các bên không có thỏa thuận cụ thể

nên trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh chi phí trượt giá do chênh lệch giá vật liệu, nhân công, máy thi công thì cũng không có cơ sở để thực hiện việc điều chỉnh giá đối với Hợp đồng số 329/2011/HĐ-XD ngày 28/11/2011 giữa Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Q1 và Công ty cổ phần X.

Thứ hai: Căn cứ theo các quy định về thanh toán hợp đồng xây dựng và hồ sơ thanh toán hợp đồng trên thực tế:

(1) Khoản 1, 2, 3, 5 Điều 18 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng, quy định về thanh toán hợp đồng xây dựng như sau:

“1. Việc thanh toán hợp đồng xây dựng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng mà các bên đã ký kết.

2. Các bên thỏa thuận trong hợp đồng về số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, thời hạn thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán.

3. Bên giao thầu phải thanh toán đầy đủ (100%) giá trị của từng lần thanh toán cho bên nhận thầu sau khi đã giảm trừ tiền tạm ứng, tiền bảo hành công trình theo thỏa thuận trong hợp đồng, trừ trường hợp các bên có quy định khác.

4.

5. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định và đơn giá điều chỉnh: được thực hiện trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm, nếu có) được nghiệm thu và đơn giá trong hợp đồng hoặc đơn giá đã điều chỉnh do trượt giá theo đúng các thỏa thuận trong hợp đồng.”

(2) Khoản 1, 2, 3, 5 Điều 19 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng, quy định về Hồ sơ thanh toán hợp đồng xây dựng như sau:

“1. Hồ sơ thanh toán hợp đồng xây dựng do bên nhận thầu lập phù hợp với từng loại hợp đồng xây dựng, giá hợp đồng và các thỏa thuận trong hợp đồng. Hồ sơ thanh toán (bao gồm cả biểu mẫu nếu có) phải được ghi rõ trong hợp đồng xây dựng và phải được bên giao thầu xác nhận.

2. Hồ sơ thanh toán hợp đồng bao gồm các tài liệu chủ yếu sau:

a) Đối với hợp đồng trọn gói:

b) Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:

c) Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế (tăng hoặc giảm so với khối lượng theo hợp đồng) trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu;

- Bảng tính đơn giá đã điều chỉnh do trượt giá (còn gọi là đơn giá thanh toán) theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện nhà tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu;

- Bảng tính giá trị cho những công việc chưa có đơn giá trong hợp đồng (nếu có), trong đó cần thể hiện cả khối lượng và đơn giá cho các công việc này có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu;

- Đề nghị thanh toán của bên nhận thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu.”

(3) Điểm 1.3 Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ T1 quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước, quy định:

“1.3. Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:

Thanh toán trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm được phê duyệt theo thẩm quyền, nếu có) được nghiệm thu và đơn giá đã điều chỉnh do trượt giá theo đúng các thỏa thuận trong của hợp đồng.”

(4) Theo khoản 8.7 Điều 8 Hợp đồng số 329/2011/HĐ-XD ngày 28/11/2011 giữa Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Q1 (chủ đầu tư) và Công ty cổ phần X thì các bên đã thỏa thuận hồ sơ thanh toán gồm có:

“- Công văn đề nghị thanh toán của Nhà thầu (ghi rõ giai đoạn hoàn thành, giá trị hoàn thành, giá trị tăng thêm so với hợp đồng (nếu có), giá trị đã tạm ứng, giá trị đã thanh toán ở giai đoạn trước và giá trị đề nghị thanh toán);

- Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo giai đoạn được nghiệm thu;

- Bảng xác nhận giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng;

- Bảng xác nhận giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng;

- Bảng tính giá trị đề nghị đề nghị thanh toán bao gồm các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh ngoài hợp đồng, chiết khấu tiền tạm ứng, giá trị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản trên;

- Hợp đồng kinh tế thi công xây dựng công trình (bản sao);

- Giá trị thanh toán cho từng giai đoạn: Căn cứ vào bảng tính giá trị khối lượng hoàn thành thanh toán cho từng giai đoạn có xác nhận của hai bên, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo kế hoạch vốn được cấp và giữ lại 5% bảo hành công trình.”

Ngoài ra, theo Mẫu hợp đồng thi công xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 09/2011/TT-BXD ngày 28/6/2011 của Bộ X2 và trong Hợp đồng số 329/2011/HĐ-XD ngày 28/11/2011 còn có 04 Phụ lục kèm theo gồm: Phụ lục 1 - Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán; Phụ lục 2- Bảng xác định khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng; Phụ lục 3 - Bảng xác định đơn giá điều chỉnh theo quy định của hợp đồng; Phụ lục 4- Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng.

Căn cứ theo các quy định pháp luật nêu trên và nội dung thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu thì khi thanh toán Nhà thầu phải lập bảng tính giá trị khối lượng hoàn thành thanh toán cho từng giai đoạn có xác nhận của hai bên, trong đó phải bao gồm cả giá trị tăng thêm so với hợp đồng (nếu có); giá trị thanh toán được xác định cơ sở khối lượng thực tế hoàn

thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm được phê duyệt theo thẩm quyền, nếu có) được nghiệm thu và đơn giá thanh toán là đơn giá đã điều chỉnh do trượt giá theo đúng các thoả thuận trong của hợp đồng (*các bảng tính này phải được lập theo 04 Phụ lục nêu trên*).

Theo báo cáo của Chủ đầu tư thì trong quá trình thi công, Chủ đầu tư đã có 10 đợt thanh toán cho nhà thầu theo đề nghị, tổng giá trị đã thanh toán là 178.409.298.000 đồng đạt 100% giá trị khối lượng hoàn thành và đơn giá thanh toán theo đề nghị của nhà thầu; đạt 98,23% so với giá trị khối lượng hai bên chấp thuận để thẩm tra quyết toán 178.409.298.000/181.629.253.000 đồng (*do một số khối lượng theo hợp đồng nhưng không thi công và có khối lượng giảm trừ khi rà soát khối lượng*). Đồng thời, trong các lần thanh toán Nhà thầu không lập Bảng xác định đơn giá điều chỉnh theo Phụ lục 3 Hợp đồng số 329/2011/HĐ-XD ngày 28/11/2011. Như vậy, được hiểu rằng khi lập bảng tính giá trị khối lượng hoàn thành thanh toán cho từng giai đoạn thì Nhà thầu đã chấp nhận thanh toán theo đúng đơn giá hợp đồng đã ký kết, không tính giá trị phần tăng thêm do trượt giá, nên việc Nhà thầu đề nghị thanh toán đối với số tiền do chênh lệch giá vật liệu, nhân công, máy thi công của gói thầu số 01 là: 38.030.107.000 đồng (Ba mươi tám tỷ không trăm ba mươi triệu một trăm lẻ bảy nghìn đồng) là không đúng quy định và không có cơ sở.

Thứ ba: Đối với yêu cầu thanh toán chi phí lắp đặt thiết bị điều hoà:

- Ngày 01/5/2014, Công ty cổ phần X có Văn bản số 0105/CV-PĐ đề nghị chủ đầu tư bổ sung hệ thống điều hoà không khí cho các hạng mục.

- Ngày 20/6/2014, Chủ đầu tư đã có Văn bản số 173a/BVL&BP-XDCB trả lời nhà thầu là tạm thời chưa mua sắm, lắp đặt bổ sung hệ thống điều hoà còn thiếu chờ chủ đầu tư trình UBND phê duyệt chủ trương phát sinh khối lượng.

- Ngày 29/12/2015, Chủ đầu tư đã có Văn bản số 295/BVLBP-XDCB gửi nhà thầu trong đó nói rõ không có nhu cầu lắp thêm điều hoà ngoài phần đã được phê duyệt bổ sung.

- Việc nhà thầu tự ý lắp đặt thiết bị điều hoà khi không có trong hồ sơ thiết kế, dự toán khối lượng bổ sung được chủ đầu tư phê duyệt và cũng không có trong phụ lục hợp đồng số 329b/PLHĐ-XD ngày 28/01/2015, vì vậy không có biên bản nghiệm thu và bàn giao các thiết bị điều hoà này giữa chủ đầu tư và đơn vị thi công.

- Ngày 21/02/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh C Văn bản số 400/UBND-XD về việc thanh, quyết toán gói thầu số 01, trong đó nêu rõ: Việc nhà thầu thi công tự ý lắp đặt thiết bị điều hoà tại một số vị trí khi chưa có Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư và thiết kế được duyệt nên không được thanh toán chi phí này.

- Ngày 05/6/2017, Công ty cổ phần X có Văn bản số 050617/CV-PĐ gửi Chủ đầu tư trong đó đơn vị thi công đã đề xuất nếu chủ đầu tư không nhất trí thì Công ty sẽ chủ động tháo dỡ và chịu toàn bộ phí tổn. Tuy nhiên, đến nay Nhà thầu vẫn chưa tháo dỡ và yêu cầu thanh toán chi phí lắp đặt điều hoà.

Như vậy việc Nhà thầu thi công tự ý lắp đặt thiết bị điều hoà vào công trình khi các thiết bị này không có trong hồ sơ thiết kế được duyệt là không đúng quy định, các khối lượng công việc này không có trong hợp đồng xây dựng đã ký kết

giữa các bên. Do đó chủ đầu tư không có nghĩa vụ phải thanh toán cho nhà thầu khoản chi phí này.

Thứ tư: Đối với yêu cầu thanh toán số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 05/12/2015 đến ngày 10/7/2023 (theo mức lãi suất cho vay của Ngân hàng N1 theo từng thời kỳ) là 30.428.583.835 đồng.

Theo báo cáo của Chủ đầu tư thì đến nay Chủ đầu tư đã có 10 đợt thanh toán cho nhà thầu theo đề nghị, tổng giá trị đã thanh toán là 178.409.298.000 đồng đạt 100% giá trị khối lượng hoàn thành và đơn giá thanh toán theo đề nghị của nhà thầu, do đó Chủ đầu tư không nợ nhà thầu nên việc tính số tiền lãi chậm trả là không đúng quy định và không có cơ sở.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Sở Xây dựng tỉnh X1 trình bày:**

1. Về nội dung Công ty cổ phần X khởi kiện buộc Bệnh viện L2 và Phẫu Thuật Q1 thanh toán cho Công ty cổ phần X tổng số tiền phát sinh tại gói thầu số 01 là 72.447.553.680 đồng (Bảy mươi hai tỷ, bốn trăm bốn mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn, sáu trăm tám mươi đồng); trong đó số tiền phát sinh đã được thẩm định tại văn bản kết quả thẩm tra dự toán bổ sung số 1078/KQTT-SXD ngày 24/12/2014 là 38.030.107.000 đồng + 3.998.862.845 đồng (là số tiền thiết bị điều hòa do Công ty cổ phần X đã lắp đặt) = 42.018.969.845 đồng và tổng tiền lãi chậm trả tính từ ngày 05/12/2015 đến ngày 10/7/2023 (theo mức lãi suất cho vay của Ngân hàng N1 theo từng thời kỳ) là 30.428.583.835 đồng là không đúng quy định và không có cơ sở pháp lý, vì những lý do sau:

Thứ nhất: Việc Công ty cổ phần X căn cứ vào văn bản kết quả thẩm tra dự toán bổ sung số 1078/KQTT-SXD ngày 24/12/2014 của Sở Xây dựng để buộc chủ đầu tư thanh toán số tiền phát sinh là không đúng quy định và không có cơ sở, cụ thể:

(1) Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, quy định về nguyên tắc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình: “3. *Tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình phải được dự tính theo đúng phương pháp, đủ các khoản mục chi phí theo quy định và phù hợp độ dài thời gian xây dựng công trình. Tổng mức đầu tư là chi phí tối đa mà chủ đầu tư được phép sử dụng để đầu tư xây dựng công trình.*”

(2) Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, quy định: “3. *Chủ đầu tư phê duyệt dự toán công trình (trừ các công trình chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật sẽ do người quyết định đầu tư phê duyệt) sau khi đã thẩm định hoặc thẩm tra và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả phê duyệt dự toán công trình. Dự toán công trình được phê duyệt là cơ sở để xác định giá gói thầu, giá xây dựng công trình và là căn cứ để đàm phán ký kết hợp đồng, thanh toán với nhà thầu trong trường hợp chỉ định thầu.*”

(3) Điểm c Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, quy định về quyền và trách nhiệm của chủ đầu tư: “c) *Tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt dự toán xây dựng công trình;*”

(4) Khoản 3, 4 Điều 15 Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ X2 hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, quy định:

“3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định hoặc thẩm tra và phê duyệt dự toán công trình điều chỉnh.

4. Dự toán công trình điều chỉnh là cơ sở để điều chỉnh giá hợp đồng, giá gói thầu và điều chỉnh tổng mức đầu tư.”

(5) Khoản 1 Điều 34 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng, quy định:

“1. Việc điều chỉnh giá và điều chỉnh hợp đồng xây dựng chỉ áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng theo hợp đồng đã ký. Khi điều chỉnh giá và hợp đồng xây dựng (giá hợp đồng sau điều chỉnh) không làm vượt tổng mức đầu tư được phê duyệt thì chủ đầu tư được quyền quyết định điều chỉnh, trường hợp vượt tổng mức đầu tư được phê duyệt thì phải báo cáo Người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép.”

(6) Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, quy định:

“1. Dự toán công trình được điều chỉnh trong các trường hợp sau đây:

a) Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

b) Các trường hợp được phép thay đổi, bổ sung thiết kế không trái với thiết kế cơ sở hoặc thay đổi cơ cấu chi phí trong dự toán nhưng không vượt tổng mức đầu tư công trình đã được phê duyệt, kể cả chi phí dự phòng.”

(7) Khoản 1, 2, 3 Điều 7 Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, quy định:

“Điều 7. Điều chỉnh tổng mức đầu tư

1. Tổng mức đầu tư đã được phê duyệt chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp điều chỉnh dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản mà làm thay đổi tổng mức đầu tư (tăng hoặc giảm).

2. Người quyết định đầu tư quyết định việc phê duyệt tổng mức đầu tư điều chỉnh. Trường hợp tổng mức đầu tư điều chỉnh không vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt và không làm thay đổi địa điểm, quy mô, mục tiêu của dự án thì chủ đầu tư tự quyết định và chịu trách nhiệm về việc phê duyệt tổng mức đầu tư điều chỉnh.”

3. Phần tổng mức đầu tư điều chỉnh thay đổi so với tổng mức đầu tư đã được phê duyệt phải được tổ chức thẩm định hoặc thẩm tra trước khi phê duyệt.”

(8) Điều 40 Luật Xây dựng 2003 (được sửa đổi, bổ sung theo Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản năm 2009) quy định:

“Điều 40. Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình có sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên

1. Dự án đầu tư xây dựng công trình có sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên được điều chỉnh khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Do ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, dịch họa hoặc sự kiện bất khả kháng khác;

b) Xuất hiện các yếu tố đem lại hiệu quả cao hơn cho dự án;

c) Khi quy hoạch xây dựng thay đổi trực tiếp ảnh hưởng đến địa điểm, quy mô, mục tiêu của dự án;

d) Các trường hợp khác theo quy định của Chính phủ.

2. Khi việc điều chỉnh dự án làm thay đổi địa điểm, quy mô, mục tiêu dự án, vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt thì chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư quyết định; trường hợp điều chỉnh dự án không làm thay đổi địa điểm, quy mô, mục tiêu dự án, không vượt tổng mức đầu tư thì chủ đầu tư được tự quyết định.

3. Nội dung điều chỉnh dự án phải được thẩm định trước khi quyết định.”

(9) Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (được sửa đổi theo khoản 3 Điều 1 Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009) quy định:

“Điều 14. Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình

1. Dự án đầu tư xây dựng công trình có sử dụng 30% vốn nhà nước trở lên được điều chỉnh khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Bị ảnh hưởng bởi thiên tai như động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, dịch họa hoặc sự kiện bất khả kháng khác;

b) Xuất hiện các yếu tố đem lại hiệu quả cao hơn cho dự án;

c) Khi quy hoạch xây dựng thay đổi trực tiếp ảnh hưởng đến địa điểm, quy mô, mục tiêu của dự án.

2. Khi việc điều chỉnh dự án làm thay đổi địa điểm, quy mô, mục tiêu dự án, vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt thì chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư quyết định; trường hợp điều chỉnh dự án không làm thay đổi địa điểm, quy mô, mục tiêu dự án, không vượt tổng mức đầu tư thì chủ đầu tư được tự quyết định. Những nội dung điều chỉnh dự án phải được thẩm định trước khi quyết định.

Trường hợp điều chỉnh dự án không phù hợp với quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì phải lấy ý kiến của cơ quan này.”

Theo các quy định trên thì việc điều chỉnh hợp đồng, thanh toán với nhà thầu phải căn cứ theo Dự toán công trình được phê duyệt và thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự toán điều chỉnh là của Chủ đầu tư.

Trên cơ sở đề nghị của Bệnh viện L2 và bệnh Phổi tại Tờ trình số 347/TTr-BVLBP ngày 12/12/2014, Sở Xây dựng đã thực hiện thẩm tra dự toán bổ sung và có văn bản kết quả thẩm tra số 1078/KQTT-SXD ngày 24/12/2014, trong đó phần dự toán bổ sung do chênh lệch giá vật liệu, nhân công, máy thi công được thẩm tra trên cơ sở theo bảng phân chia khối lượng thi công theo từng giai đoạn được chủ đầu tư, nhà thầu tư vấn giám sát và nhà thầu thi công xác nhận, phương pháp xác định dự toán được áp dụng là phương pháp bù trừ trực tiếp theo hướng dẫn của Bộ X2 (nội dung này đã được ghi rõ trong phần nguyên tắc thẩm tra tại mục 3 văn bản số 1078/KQTT-SXD ngày 24/12/2014). Do giá trị dự toán bổ sung phần

chênh lệch giá vật liệu, nhân công, máy thi công làm vượt tổng mức đầu tư của dự án đã được phê duyệt nên theo quy định chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư cho phép điều chỉnh dự án, điều chỉnh tổng mức đầu tư trước khi thực hiện bước tiếp theo. Vì vậy, tại phần kết luận thẩm tra trong văn bản số 1078/KQTT-SXD ngày 24/12/2014 của Sở Xây dựng cũng đã ghi rõ “*Văn bản thẩm tra này làm cơ sở để chủ đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án*”, đồng thời theo nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ thì giá trị dự toán được Sở Xây dựng thẩm tra mới chỉ là giá trị dự tính để làm cơ sở để cơ quan chức năng, người có thẩm quyền xem xét khi thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư. Giá trị này có thể thay đổi hoặc được chuẩn xác lại khi các cơ quan chuyên môn, người quyết định đầu tư, chủ đầu tư thực hiện thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh dự toán hoặc cũng có thể thay đổi trong trường hợp được người quyết định đầu tư cho phép và giữa chủ đầu tư và nhà thầu có thỏa thuận áp dụng phương pháp điều chỉnh khác là phương pháp dùng hệ số điều chỉnh giá (*khi đó tùy thuộc vào việc cho phép điều chỉnh cho một, hai hoặc tất cả các yếu tố chi phí gồm vật liệu, nhân công, máy thi công thì giá trị dự toán điều chỉnh sẽ khác nhau*). Ngoài ra, khi thực hiện điều chỉnh giá hợp đồng thì chủ đầu tư sẽ phải căn cứ thêm nội dung các điều, khoản đã được các Bên thỏa thuận trong hợp đồng, phụ lục bổ sung hợp đồng (nếu có) và khối lượng, giá trị, đơn giá thanh toán đã áp dụng trong từng lần thanh toán và các quy định pháp luật có liên quan khác để rà soát, cập nhật, xác định chính xác giá trị dự toán bổ sung trước phê duyệt và ký phụ lục bổ sung hợp đồng để làm cơ sở thanh toán.

Theo quy định thì đối với dự án này Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ là cơ quan có thẩm quyền thẩm định điều chỉnh dự án, điều chỉnh tổng mức đầu tư trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt. Trong trường hợp nếu được người quyết định đầu tư cho phép điều chỉnh tổng mức đầu tư thì sẽ phải thực hiện việc thẩm định hoặc thẩm tra tổng mức đầu tư điều chỉnh trước khi phê duyệt và sau khi người quyết định đầu tư phê duyệt tổng mức đầu tư điều chỉnh thì chủ đầu tư mới có cơ sở để triển khai thực hiện các bước tiếp theo như điều chỉnh dự toán, điều chỉnh hợp đồng theo đúng trình tự đầu tư xây dựng. Tuy nhiên do việc bổ sung chênh lệch giá vật liệu, nhân công, máy thi công làm vượt tổng mức đầu tư nhưng không thuộc trường hợp được điều chỉnh dự án, điều chỉnh tổng mức đầu tư theo quy định nên người quyết định đầu tư không đồng ý cho điều chỉnh tổng mức đầu tư, dẫn đến dự toán bổ sung phần chênh lệch giá vật liệu, nhân công, máy thi công không đủ điều kiện để chủ đầu tư phê duyệt; đồng thời giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu cũng chưa ký kết bổ sung phụ lục hợp đồng đối với phần giá trị chênh lệch này nên không có cơ sở để thanh toán.

Thứ hai: Căn cứ theo các quy định về điều chỉnh giá, điều chỉnh hợp đồng xây dựng, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu:

(1) Khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 36 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng, quy định:

“1. Việc điều chỉnh giá hợp đồng chỉ áp dụng đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh và hợp đồng theo thời gian. Trong hợp đồng xây dựng các bên phải thỏa thuận cụ thể các trường hợp được điều chỉnh giá hợp đồng, trình tự, phạm vi, phương pháp và căn cứ điều chỉnh giá hợp đồng; phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng phải phù hợp với loại giá hợp đồng, tính chất công việc trong hợp đồng xây dựng.

2. Việc điều chỉnh giá hợp đồng được thực hiện thông qua việc điều chỉnh đơn giá, điều chỉnh khối lượng và được quy định như sau:

a)

b)

c)

d) Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, thì đơn giá trong hợp đồng được điều chỉnh theo phương pháp hướng dẫn tại khoản 3, 4 Điều này cho những khối lượng công việc mà tại thời điểm ký hợp đồng, bên giao thầu và bên nhận thầu cam kết sẽ điều chỉnh lại đơn giá do trượt giá sau một khoảng thời gian nhất định kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

(2) Điểm b Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 08/2010/TT-BXD ngày 29/7/2010 của Bộ X2 về hướng dẫn phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng, quy định:

“3. Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:

a)

b) Tại thời điểm ký hợp đồng, các bên thỏa thuận sẽ điều chỉnh lại đơn giá cho những khối lượng công việc được điều chỉnh giá do trượt giá sau một khoảng thời gian nhất định kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.”

Căn cứ theo các quy định trên thì đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh thì trong hợp đồng xây dựng các bên phải thỏa thuận cụ thể các trường hợp được điều chỉnh giá hợp đồng, trình tự, phạm vi, phương pháp và căn cứ điều chỉnh giá hợp đồng; đồng thời tại thời điểm ký hợp đồng, các bên phải thỏa thuận sẽ điều chỉnh lại đơn giá cho những khối lượng công việc được điều chỉnh giá do trượt giá sau một khoảng thời gian nhất định kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Tuy nhiên trong Điều 8 Hợp đồng số 329/2011/HĐ-XD ngày 28/11/2011 giữa Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Q1 và Công ty cổ phần X, mặc dù có ghi là hợp đồng có điều chỉnh giá và Giá hợp đồng chỉ được điều chỉnh theo quy định tại Điều 9 Hợp đồng, nhưng tại Điều 9 Hợp đồng lại vi phạm dẫn việc điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo Điều 7 Thông tư số 08/2010/TT-BXD ngày 29/7/2010 của Bộ X2 về hướng dẫn phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng, trong khi đó Điều 7 Thông tư số 08/2010/TT-BXD ngày 29/7/2010 của Bộ X2 chỉ quy định về phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh. Như vậy, trong Hợp đồng số 329/2011/HĐ-XD ngày 28/11/2011 các bên không có thỏa thuận cụ thể về các trường hợp được điều chỉnh giá hợp đồng, trình tự, phạm vi, phương pháp và căn cứ điều chỉnh giá hợp đồng và cũng không có thỏa thuận sẽ điều chỉnh lại đơn giá cho những khối lượng công việc được điều chỉnh giá do trượt giá sau một khoảng thời gian nhất định. Nội dung này đã được chỉ rõ trong biên bản làm việc giữa các cơ quan chức năng của tỉnh với Chủ đầu

tư và Nhà thầu ngày 20/11/2014, như vậy có nghĩa là nhà thầu đã biết về nội dung này và không có ý kiến gì. Mặt khác ngoài phụ lục hợp đồng số 329b/2015/HĐ-XD được hai bên ký kết bổ sung ngày 28/01/2015 về việc điều chỉnh giá hợp đồng cho khối lượng phát sinh, không có phụ lục hợp đồng hoặc thỏa thuận nào khác về việc điều chỉnh giá hợp đồng do thay đổi giá vật liệu, nhân công, máy thi công.

Do đó, trong trường hợp này mặc dù hình thức hợp đồng được áp dụng là hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh nhưng do các bên không có thỏa thuận cụ thể nên trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh chi phí trượt giá do chênh lệch giá vật liệu, nhân công, máy thi công thì cũng không có cơ sở để thực hiện việc điều chỉnh giá đối với Hợp đồng số 329/2011/HĐ-XD ngày 28/11/2011 giữa Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Q1 và Công ty cổ phần X.

Thứ ba: Căn cứ theo các quy định về thanh toán hợp đồng xây dựng và hồ sơ thanh toán hợp đồng trên thực tế:

(1) Khoản 1, 2, 3, 5 Điều 18 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng, quy định về thanh toán hợp đồng xây dựng như sau:

“1. Việc thanh toán hợp đồng xây dựng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng mà các bên đã ký kết.

2. Các bên thỏa thuận trong hợp đồng về số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, thời hạn thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán.

3. Bên giao thầu phải thanh toán đầy đủ (100%) giá trị của từng lần thanh toán cho bên nhận thầu sau khi đã giảm trừ tiền tạm ứng, tiền bảo hành công trình theo thỏa thuận trong hợp đồng, trừ trường hợp các bên có quy định khác.

4.

5. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định và đơn giá điều chỉnh: được thực hiện trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm, nếu có) được nghiệm thu và đơn giá trong hợp đồng hoặc đơn giá đã điều chỉnh do trượt giá theo đúng các thỏa thuận trong hợp đồng.”

(2) Khoản 1, 2, 3, 5 Điều 19 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng, quy định về Hồ sơ thanh toán hợp đồng xây dựng như sau:

“1. Hồ sơ thanh toán hợp đồng xây dựng do bên nhận thầu lập phù hợp với từng loại hợp đồng xây dựng, giá hợp đồng và các thỏa thuận trong hợp đồng. Hồ sơ thanh toán (bao gồm cả biểu mẫu nếu có) phải được ghi rõ trong hợp đồng xây dựng và phải được bên giao thầu xác nhận.

2. Hồ sơ thanh toán hợp đồng bao gồm các tài liệu chủ yếu sau:

a) Đối với hợp đồng trọn gói:

b) Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:

c) Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế (tăng hoặc giảm so với khối lượng theo hợp đồng) trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu;

- Bảng tính đơn giá đã điều chỉnh do trượt giá (còn gọi là đơn giá thanh toán) theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện nhà tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu;

- Bảng tính giá trị cho những công việc chưa có đơn giá trong hợp đồng (nếu có), trong đó cần thể hiện cả khối lượng và đơn giá cho các công việc này có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu;

- Đề nghị thanh toán của bên nhận thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu.”

(3) Điểm 1.3 Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011 của Bộ T1 quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước, quy định:

“1.3. Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh:

Thanh toán trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm được phê duyệt theo thẩm quyền, nếu có) được nghiệm thu và đơn giá đã điều chỉnh do trượt giá theo đúng các thỏa thuận trong của hợp đồng.”

(4) Theo khoản 8.7 Điều 8 Hợp đồng số 329/2011/HĐ-XD ngày 28/11/2011 giữa Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Q1 (chủ đầu tư) và Công ty cổ phần X thì các bên đã thỏa thuận hồ sơ thanh toán gồm có:

“- Công văn đề nghị thanh toán của Nhà thầu (ghi rõ giai đoạn hoàn thành, giá trị hoàn thành, giá trị tăng thêm so với hợp đồng (nếu có), giá trị đã tạm ứng, giá trị đã thanh toán ở giai đoạn trước và giá trị đề nghị thanh toán);

- Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo giai đoạn được nghiệm thu;

- Bảng xác nhận giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng;

- Bảng xác nhận giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng;

- Bảng tính giá trị đề nghị đề nghị thanh toán bao gồm các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh ngoài hợp đồng, chiết khấu tiền tạm ứng, giá trị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản trên;

- Hợp đồng kinh tế thi công xây dựng công trình (bản sao);

- Giá trị thanh toán cho từng giai đoạn: Căn cứ vào bảng tính giá trị khối lượng hoàn thành thanh toán cho từng giai đoạn có xác nhận của hai bên, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo kế hoạch vốn được cấp và giữ lại 5% bảo hành công trình.”

Ngoài ra, theo Mẫu hợp đồng thi công xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 09/2011/TT-BXD ngày 28/6/2011 của Bộ X2 và trong Hợp đồng số 329/2011/HĐ-XD ngày 28/11/2011 còn có 04 Phụ lục kèm theo gồm: Phụ lục 1 - Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán; Phụ lục 2- Bảng xác định khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng; Phụ lục 3 - Bảng xác định đơn giá điều chỉnh theo

quy định của hợp đồng; Phụ lục 4- Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng.

Căn cứ theo các quy định pháp luật nêu trên và nội dung thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu thì khi thanh toán Nhà thầu phải lập bảng tính giá trị khối lượng hoàn thành thanh toán cho từng giai đoạn có xác nhận của hai bên, trong đó phải bao gồm cả giá trị tăng thêm so với hợp đồng (nếu có); giá trị thanh toán được xác định cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm được phê duyệt theo thẩm quyền, nếu có) được nghiệm thu và đơn giá thanh toán là đơn giá đã điều chỉnh do trượt giá theo đúng các thỏa thuận trong của hợp đồng (*các bảng tính này phải được lập theo 04 Phụ lục nêu trên*).

Theo báo cáo của Chủ đầu tư thì trong quá trình thi công, Chủ đầu tư đã có 10 đợt thanh toán cho nhà thầu theo đề nghị, tổng giá trị đã thanh toán là 178.409.298.000 đồng đạt 100% giá trị khối lượng hoàn thành và đơn giá thanh toán theo đề nghị của nhà thầu; đạt 98,23% so với giá trị khối lượng hai bên chấp thuận để thẩm tra quyết toán 178.409.298.000/181.629.253.000 đồng (*do một số khối lượng theo hợp đồng nhưng không thi công và có khối lượng giảm trừ khi rà soát khối lượng*). Đồng thời, trong các lần thanh toán Nhà thầu không lập Bảng xác định đơn giá điều chỉnh theo Phụ lục 3 Hợp đồng số 329/2011/HĐ-XD ngày 28/11/2011. Như vậy, được hiểu rằng khi lập bảng tính giá trị khối lượng hoàn thành thanh toán cho từng giai đoạn thì Nhà thầu đã chấp nhận thanh toán theo đúng đơn giá hợp đồng đã ký kết, không tính giá trị phần tăng thêm do trượt giá, nên việc Nhà thầu đòi thanh toán đối với số tiền do chênh lệch giá vật liệu, nhân công, máy thi công của gói thầu số 01 là: 38.030.107.000 đồng (Ba mươi tám tỷ không trăm ba mươi triệu một trăm lẻ bảy nghìn đồng) là không đúng quy định và không có cơ sở.

Thứ tư: Đối với yêu cầu thanh toán chi phí lắp đặt thiết bị điều hoà:

- Ngày 01/5/2014, Công ty cổ phần X có văn bản số 0105/CV-PĐ đề nghị chủ đầu tư bổ sung hệ thống điều hoà không khí cho các hạng mục.

- Ngày 20/6/2014, Chủ đầu tư đã có văn bản số 173a/BVL&BP-XDCB trả lời nhà thầu là tạm thời chưa mua sắm, lắp đặt bổ sung hệ thống điều hoà còn thiếu chờ chủ đầu tư trình UBND phê duyệt chủ trương phát sinh khối lượng.

- Ngày 29/12/2015, Chủ đầu tư đã có văn bản số 295/BVLBP-XDCB gửi nhà thầu trong đó nói rõ không có nhu cầu lắp thêm điều hoà ngoài phần đã được phê duyệt bổ sung.

- Việc nhà thầu tự ý lắp đặt thiết bị điều hoà khi không có trong hồ sơ thiết kế, dự toán khối lượng bổ sung được chủ đầu tư phê duyệt và cũng không có trong phụ lục hợp đồng số 329b/PLHĐ-XD ngày 28/01/2015, vì vậy không có biên bản nghiệm thu và bàn giao các thiết bị điều hoà này giữa chủ đầu tư và đơn vị thi công.

- Ngày 21/02/2017, UBND tỉnh có văn bản số 400/UBND-XD về việc thanh, quyết toán gói thầu số 01, trong đó nêu rõ: Việc nhà thầu thi công tự ý lắp đặt thiết bị điều hoà tại một số vị trí khi chưa có Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư và thiết kế được duyệt nên không được thanh toán chi phí này.

- Ngày 05/6/2017, Công ty cổ phần X có văn bản số 050617/CV-PĐ gửi Chủ đầu tư trong đó đơn vị thi công đã đề xuất nếu chủ đầu tư không nhất trí thì

Công ty sẽ chủ động tháo dỡ và chịu toàn bộ phí tổn. Tuy nhiên, đến nay Nhà thầu vẫn chưa tháo dỡ và yêu cầu thang toán chi phí lắp đặt điều hoà.

Như vậy việc Nhà thầu thi công tự ý lắp đặt thiết bị điều hoà vào công trình khi các thiết bị này không có trong hồ sơ thiết kế được duyệt là không đúng quy định, các khối lượng công việc này không có trong hợp đồng xây dựng đã ký kết giữa các bên. Do đó chủ đầu tư không có nghĩa vụ phải thanh toán cho nhà thầu khoản chi phí này.

Thứ năm: Đối với yêu cầu thanh toán số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 05/12/2015 đến ngày 10/7/2023 (theo mức lãi suất cho vay của Ngân hàng N1 theo từng thời kỳ) là 30.428.583.835 đồng:

Theo báo cáo của Chủ đầu tư thì đến nay Chủ đầu tư đã có 10 đợt thanh toán cho nhà thầu theo đề nghị, tổng giá trị đã thanh toán là 178.409.298.000 đồng đạt 100% giá trị khối lượng hoàn thành và đơn giá thanh toán theo đề nghị của nhà thầu, do đó Chủ đầu tư không nợ nhà thầu nên việc tính số tiền lãi chậm trả là không đúng quy định và không có cơ sở.

2. Về nội dung Công ty cổ phần X khởi kiện yêu cầu Bệnh viện L2 và Phổi T tiến hành thanh lý và thanh quyết toán hợp đồng số 329/2011/HĐ-XD ngày 28/11/2011 theo quy định của pháp luật: Việc thanh quyết toán và thanh lý hợp đồng trách nhiệm của Chủ đầu tư và Nhà thầu, do đó yêu cầu các bên thực hiện theo quy định.

Trên cơ sở các căn cứ pháp lý đã được viện dẫn và các lý do đã phân tích nêu trên, Sở Xây dựng tỉnh X1 đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của Công ty cổ phần X về việc yêu cầu Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Tuyên Quang thanh toán chi phí phát sinh từ Hợp đồng số 329/2011/HĐ-XD ngày 28/11/2011 giữa Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Q1 và Công ty cổ phần X.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân tỉnh T trình bày:***

Nội dung Công ty cổ phần X khởi kiện đối với Bệnh viện L2 và bệnh P1 không có cơ sở pháp lý vì dự toán bổ sung phần chênh lệch giá nguyên vật liệu, nhân công, máy thi công đối với gói thầu số 01 không được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc người quyết định đầu tư không phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư và chủ đầu tư không phê duyệt dự toán bổ sung phần chênh lệch giá nguyên vật liệu, nhân công, máy thi công đối với gói thầu số 01 là do không phù hợp với quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm triển khai dự án và được áp dụng cho hợp đồng; đồng thời trong Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 329/2011/HĐ-XD ngày 28/11/2011 ký kết giữa Bệnh viện Lao và bệnh Phổi với Công ty cổ phần X, các bên không thỏa thuận cụ thể về các trường hợp được điều chỉnh giá hợp đồng, trình tự, phạm vi, phương pháp và căn cứ điều chỉnh giá hợp đồng và cũng không có thỏa thuận sẽ điều chỉnh lại đơn giá cho những khối lượng công việc được điều chỉnh giá do trượt sau một khoảng thời gian nhất định nên không có cơ sở để điều chỉnh.

Đối với thiết bị điều hoà không có trong hồ sơ thiết kế, dự toán xây dựng và không có trong hợp đồng xây dựng nhưng do nhà thầu tự ý lắp đặt vào công trình là không đúng quy định nên nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu mọi

chi phí, chủ đầu tư không có nghĩa vụ phải thanh toán cho nhà thầu khoản chi phí này.

Việc yêu cầu thanh toán số tiền lãi chậm trả là không đúng quy định và không có cơ sở vì thực tế chủ đầu tư đã thanh toán 100% giá trị khối lượng hoàn thành và đơn giá thanh toán theo đề nghị của nhà thầu.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (*nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – tỉnh Tuyên Quang*) thụ lý, xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, tiến hành hoà giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2025/DS-ST, ngày 24/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Căn cứ vào: Các Điều 26; 35; 39; 91; 147; 227; 228; 266; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 138; 139; 140; 141; 143; 144; 147 Luật xây dựng năm 2014; các Điều 107; 108; 109 Luật xây dựng năm 2003; các Điều 157; 385; 401; 403; 429 và 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần X về việc yêu cầu Bệnh viện L2 và bệnh Phổi tỉnh Tuyên Quang phải thanh toán tổng số tiền phát sinh tại gói thầu số 01 là 38.030.107.000 đồng (Số tiền phát sinh đã được thẩm định tại văn bản kết quả thẩm tra dự toán bổ sung số 1078/KQTT-SXD ngày 24/12/2014) và lãi suất phát sinh là 35.477.401.000 đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền thiết bị điều hòa do Công ty X đã lắp đặt là 3.988.862.845 đồng.

3. Các đương sự có nghĩa vụ cùng nhau thực hiện quyết toán, thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Công ty cổ phần X phải chịu 181.507.508 đồng án phí dân sự có giá ngạch. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 90.223.776 đồng tại biên lai thu tiền tạm mứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000952 ngày 27/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Bệnh viện L2 và bệnh Phổi tỉnh Tuyên Quang không phải chịu án phí của vụ án.

Ngoài ra bản án còn quyết định về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/5/2025 nguyên đơn Công ty cổ phần X kháng cáo không nhất trí với toàn bộ bản án sơ thẩm mà Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đã tuyên. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cùng trình bày:

Tại Điều 8 Hợp đồng xây dựng số 329/2011 ngày 28/11/2011 là hợp đồng điều chỉnh giá. Bị đơn; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận. Do đó, khi Chính phủ có sự thay đổi về chính sách tiền lương, nhân công, máy thi công,... thì giá của hợp đồng cũng phải được điều chỉnh để đảm bảo quyền, lợi ích chính đáng của nhà thầu thi công.

Tại Điều 8.3 của hợp đồng 329/2011/HĐ-XD cũng ghi rõ *“Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu toàn bộ giá hợp đồng đã ký sau khi nhà thầu hoàn thành và được nghiệm thu. Việc thanh toán các đợt chỉ mang tính chất tạm ứng tùy khả năng vốn được cấp và chỉ khi hồ sơ quyết toán công trình hoàn chỉnh mới là hồ sơ chính thức”*.

Ngày 04/12/2014 UBND tỉnh T có văn bản số 3384/UBND-XD gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Kho bạc Nhà nước và Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Quang với nội dung *“Đồng ý chủ trương bổ sung một số khối lượng và điều chỉnh giá hợp đồng công trình Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Tuyên Quang theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, với nội dung cụ thể như sau: Lập, điều chỉnh giá hợp đồng và hoàn thiện các thủ tục cần thiết theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng hiện hành..”*

Ngày 12/12/2014 Bệnh viện L2 có Tờ trình số 34/TTr-BVLBP gửi Sở Xây dựng về việc *“Thẩm tra dự toán xây dựng phần bổ sung khối lượng, điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Quang”* tại mục 4.1 của tờ trình ghi rõ *“Điều chỉnh giá hợp đồng thi công công trình theo hình thức hợp đồng đơn giá điều chỉnh theo quy định của pháp luật”*.

Ngày 24/12/2014 Sở Xây dựng tỉnh X1 đã có Văn bản kết quả thẩm tra dự toán bổ sung số 1078/KQTT-SXD trong đó có kinh phí bổ sung chi phí nhân công và máy thi công là 26.502.994.000 đồng và bổ sung chênh lệch giá vật liệu là 11.424.316.000 đồng.

Ngày 29/12/2014 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh X1 có văn bản số 1292/SKH-XDCB gửi Ủy ban nhân dân tỉnh có nội dung *“Để tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu tiếp tục thi công sớm hoàn thành công trình nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và kịp thời giải ngân theo quy định, đề nghị UBND tỉnh xem xét cho chủ đầu tư xây dựng công trình trong khi chờ hoàn tất các hồ sơ thủ tục điều chỉnh, bổ sung được tạm ứng cho nhà thầu phần khối lượng phát sinh và tiền bù chênh lệch giá nhân công, vật liệu theo hướng dẫn tại điểm 8.3 mục I Thông tư 09/2008/TT-BXD ngày 17/4/2008 của BXD...”*. Đó là lý do công ty X không có ý kiến gì về nội dung tại biên bản làm việc ngày 20/11/2014.

Tại văn bản số 214/UBND-XD ngày 27/01/2015 của UBND tỉnh T đồng ý cho nhà thầu thanh toán khối lượng phát sinh, đến ngày 28/01/2015 chủ đầu tư phê duyệt dự toán bổ sung phần khối lượng phát sinh với kinh phí là 16.227.220.000 đồng và hai bên đã ký kết phụ lục hợp đồng số 329b/2015/PLHĐ-XD chỉ để bổ sung về khối lượng công việc, giá hợp đồng, thanh toán và tạm ứng mà không có điều chỉnh giá hợp đồng do thay đổi về giá vật liệu, nhân công, máy thi công là do các bên thực hiện theo ý kiến chỉ đạo tại văn bản số 214/UBND-XD ngày 27/01/2015 của UBND tỉnh T.

Trong cùng thời gian ký kết hợp đồng số 329/2011/HĐ-XD với Bệnh viện Lao và bệnh Phổi tỉnh Tuyên Q1; Công ty X cũng ký kết hợp đồng số 29.12/2011/HĐ-XD ngày 29/12/2011 với Sở y tế tỉnh L về việc xây lắp các hạng mục phần thô nhà E thuộc dự án Bệnh viện Đa khoa tỉnh L (tổng giá trị hợp đồng là 187.777.979.000 đồng). Về nội dung hợp đồng, hình thức hợp đồng, loại hợp đồng, thời gian ký kết về cơ bản là tương tự nhau các khoản chi phí phát sinh Công ty X yêu cầu Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Quang thanh toán (chi phí phát sinh chênh lệch vật liệu, chi phí nhân công và máy thi công) giống với các khoản tiền phát sinh mà công ty X đã được Sở y tế tỉnh L chấp nhận thanh toán mặc dù việc thanh toán cũng làm vượt tổng mức đầu tư ban đầu. Trong quá trình giải quyết vụ án Công ty X đã làm văn bản và đã được Sở y tế tỉnh L xác nhận là có sự việc thanh toán chi phí phát sinh trong quá trình thi công cho công ty.

Căn cứ khoản 2 Điều 36 Nghị định 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hợp đồng xây dựng quy định *“Việc điều chỉnh đơn giá trong hợp đồng khi thay đổi về giá vật liệu, nhân công, máy thi công do Chủ đầu tư và Nhà thầu tự thực hiện...”*

Từ những ý kiến trình bày nêu trên Công ty X yêu cầu bệnh viện L2 và bệnh Phổi tỉnh Tuyên Quang thanh toán cho nguyên đơn số tiền phát sinh do tăng chi phí nhân công, máy thi công và chênh lệch giá vật liệu theo kết quả thẩm tra dự toán bổ sung 1078/KQTT-SXD do Sở Xây dựng lập ngày 24/12/2014 là 38.030.107.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi phát sinh cho chậm thanh toán là 35.477.401.000 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm số 27/2025/DS-ST ngày 24/4/205 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty buộc Bệnh viện L2 và bệnh Phổi T phải thanh toán cho công ty X tiền chi phí phát sinh đã được thẩm tra dự toán bổ sung là 38.030.107.000 đồng và chi phí lắp đặt điều hòa là 3.988.862.845 đồng. Tổng cộng là 42.018.969.845 đồng.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 trình bày:

Do việc bổ sung giá vật liệu, nhân công, máy thi công làm vượt tổng mức đầu tư nhưng không thuộc trường hợp được điều chỉnh dự án, điều chỉnh tổng mức đầu tư theo quy định nên người quyết định đầu tư không đồng ý cho điều chỉnh tổng mức đầu tư dẫn đến dự toán bổ sung phần chênh lệch giá vật liệu, nhân công, máy thi công không đủ điều kiện để chủ đầu tư phê duyệt. Do không có phụ lục hợp đồng về chi phí phát sinh, chi phí phát sinh chưa được chủ đầu tư phê duyệt nên việc công ty X yêu cầu thanh toán chi phí phát sinh là không có cơ sở pháp lý.

Trong quá trình thi công chủ đầu tư đã có 10 đợt thanh toán cho nhà thầu theo đề nghị, tổng giá trị đã thanh toán là 178.409.298.000 đồng đạt 100% giá trị khối lượng hoàn thành và đơn giá theo đề nghị của nhà thầu. Đồng thời trong các lần thanh toán nhà thầu không lập bảng xác định đơn giá điều chỉnh theo phụ lục 3 Hợp đồng số 329/2011/HĐ-XD ngày 28/11/2011. Như vậy, khi lập bảng tính khối lượng công việc hoàn thành thanh toán cho từng giai đoạn nhà thầu đã chấp

nhận thanh toán theo đúng đơn giá hợp đồng đã ký kết, không tính giá trị tăng thêm do trượt giá nên việc nhà thầu yêu cầu thanh toán chi phí phát sinh 38.030.107.000 đồng là không đúng quy định, không có cơ sở và việc công ty X yêu cầu tính lãi suất cũng không có căn cứ.

Về việc thanh toán lắp đặt thiết bị điều hòa là không có căn cứ bởi vì chủ đầu tư đã có văn bản số 295/BVLBP-XDCB gửi nhà thầu nói rõ không có nhu cầu lắp thêm điều hòa ngoài phần đã được duyệt bổ sung nhưng nhà thầu tự ý lắp đặt khi không có trong hồ sơ thiết kế, dự toán khối lượng bổ sung được chủ đầu tư phê duyệt và cũng không có biên bản nghiệm thu, bàn giao các thiết bị này giữa chủ đầu tư với nhà thầu. Nếu nhà thầu tháo dỡ các thiết bị điều hòa chủ đầu tư nhất trí cho tháo dỡ và phía nhà thầu phải tự chịu chi phí tháo dỡ. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 27/2025/DS-ST ngày 24/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Sau khi có chủ trương xây dựng bệnh viện Lao và bệnh Phổi Tuyên Quang; Công ty X là đơn vị trúng thầu đã ký với bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Q1 (chủ đầu tư) hợp đồng thi công xây dựng số 329/2011/HĐ-XD; giá trị trúng thầu 169.635.613.000 đồng; hình thức hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh. điều chỉnh phía chủ đầu tư thừa nhận trong quá trình thi công có sự mức lương tối thiểu vùng theo quy định của chính phủ dẫn đến có sự thay đổi về giá nhân công, máy thi công và chênh lệch giá vật liệu nên bên phía nhà thầu đã làm đơn đề nghị bổ sung phần giá trị tăng thêm. Trên cơ sở biên bản làm việc giữa chủ đầu tư, đơn vị giám sát thi công, đơn vị tư vấn thiết kế với nhà thầu, chủ đầu tư đã lập tờ trình gửi Ủy ban nhân dân tỉnh T đề nghị phê duyệt bổ sung giá trị tăng thêm nhưng sau khi tiến hành thẩm tra không được phê duyệt bởi lẽ trong 10 lần lập dự toán khối lượng thi công hoàn thành bên phía công ty không có đề nghị phần giá trị tăng thêm do đó không có cơ sở để phê duyệt dẫn đến không có căn cứ để ký phụ lục đồng đối với phần tăng thêm do đó không có cơ sở để bên phía nhà thầu yêu cầu chủ đầu tư thanh toán phần giá trị tăng thêm hơn 38 tỷ đồng và khoản lãi chậm trả đối với phần giá trị tăng thêm là hơn 35 tỷ đồng. Đối với khoản tiền lắp đặt thiết bị điều hòa phía chủ đầu tư yêu cầu cũng không có căn cứ bởi vì bên phía nhà thầu tự ý lắp đặt, không có trong hợp đồng, không có văn bản thỏa thuận. Từ những ý kiến trên bà H1 không nhất trí với yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của ông Trần Văn H4 – Phó giám đốc Sở X1: Ông H4 xác định hợp đồng 329/2011/HĐ-XD là hợp đồng điều chỉnh giá nhưng việc điều chỉnh phải theo quy định của pháp luật, trong trường hợp phê duyệt bổ sung mà làm vượt tổng mức đầu tư thì người có thẩm quyền ký quyết định đầu tư có thẩm quyền phê duyệt nhưng chỉ có một số trường hợp theo quy định của pháp luật. Văn bản thẩm tra dự toán bổ sung số 1078/KQTT-SXD do Sở Xây dựng tiến hành trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư và trên cơ sở khối lượng hoàn thành, đơn giá cụ thể của pháp luật nhưng đây là trường hợp vượt tổng mức đầu tư và thuộc trường hợp không được điều chỉnh tổng mức đầu tư.

Ý kiến của ông Nguyễn Đắc H3: Hợp đồng số 329/2011/HĐXD là hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh về nguyên tắc là được điều chỉnh có thể tăng hoặc

giảm. nhưng trong trường hợp này không thuộc trường hợp được điều chỉnh bổ sung còn lý do mà sở vẫn tiến hành thẩm tra vì đây là thủ tục hành chính theo yêu cầu của chủ đầu tư. Trong trường hợp nếu được phê duyệt bổ sung thì có thể sử dụng nguồn ngân sách địa phương để bổ sung theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Đơn kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc P là hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS, sửa Bản án sơ thẩm số 27/2024/DS-ST ngày 24/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang theo hướng chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, buộc bị đơn Bệnh viện L2 và bệnh Phổi tỉnh Tuyên Quang phải thanh toán tổng số tiền phát sinh tại gói thầu số 01 là 38.030.107.000đồng (Số tiền phát sinh đã được thẩm định tại văn bản kết quả thẩm tra dự toán bổ sung số 1078/KQTT-SXD ngày 24/12/2014) cho nguyên đơn Công ty cổ phần X

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần, nên nguyên đơn kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm; HĐXX phúc thẩm phải xác định lại nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm của nguyên đơn và bị đơn tương ứng với số tiền nguyên đơn được chấp nhận và số tiền nguyên đơn không được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ngày 06/5/2025, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn Công ty cổ phần X. Đơn kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, đơn kháng cáo hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Thành phần tham gia tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự và các đương sự đều có mặt tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng. Vì vậy Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang tiến hành giải quyết theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh T phê duyệt kết quả đấu thầu Gói thầu số 1: Thi công xây dựng công trình; mua sắm, lắp đặt trang thiết bị xây dựng công trình (trừ thiết bị y tế và thiết bị văn phòng) thuộc dự án xây dựng công trình Bệnh viện L2 và bệnh P tỉnh Tuyên Quang. Công ty cổ phần X (nhà thầu) đã ký với Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Q1 (Chủ đầu tư) hợp đồng thi công xây dựng số 329/HĐ-XD ngày 28/11/2011; Hình thức hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh giá; giá gói thầu trúng thầu là 169.635.613.000đ (Một trăm sáu mươi chín tỷ, sáu trăm ba mươi lăm triệu, sáu trăm mười ba nghìn đồng).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng (thi công công trình) do có sự thay đổi về mức lương tối thiểu vùng; có sự thay đổi về giá nhân công, máy thi công, chênh lệch giá nguyên vật liệu; dự toán hồ sơ mời thầu tính thiếu khối lượng và có sự điều chỉnh thiết kế nên chủ đầu tư, đơn vị tư vấn giám sát, đơn vị tư vấn thiết kế và đơn vị thi công đã họp (biên bản họp ngày 01/7/2014) đề nghị bổ sung tiền chênh lệch nhân công, máy thi công và chênh lệch giá vật liệu xây dựng. Căn cứ quy định của pháp luật và biên bản họp ngày 01/7/2014 Chủ đầu tư đã lập tờ trình số 270/TTr-BVLBP ngày 14/10/2014 đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh P chủ trương bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng bệnh viện L2 và bệnh P tỉnh Tuyên Quang. Sau khi nhận được tờ trình của chủ đầu tư Ủy ban tỉnh đã có văn bản chỉ đạo giao Sở Kế hoạch đầu tư phối hợp cùng Sở X1, Sở xây dựng, cùng các đơn vị liên quan xem xét, tham mưu đề xuất chủ trương điều chỉnh dự án theo tờ trình của Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Quang. Dựa trên văn bản tham mưu số 1138/SKH-XDCB ngày 24/11/2014 của Sở Kế hoạch và Đầu tư ngày 04/12/2014 Ủy ban nhân dân tỉnh B văn bản số 3384/UBND-XD về việc chủ trương bổ sung khối lượng, điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng công trình Bệnh viện L2 và bệnh Phổi, tỉnh Tuyên Quang. Trên cơ sở đó Bệnh viện L2 và bệnh Phổi làm tờ trình số 347/TTr-BVLBP ngày 12/12/2014 đề nghị thẩm tra dự toán xây dựng phần bổ sung khối lượng, điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện L2 và bệnh Phổi tỉnh Tuyên Quang. Tại văn bản kết quả thẩm tra dự toán bổ số 1078/KQTT-SXD ngày 24/12/2014 của Sở Xây dựng đã xác định chi phí xây dựng bổ sung gói thầu số 1 gồm: Bổ sung chi phí nhân công và máy thi công là 26.502.994.000 đồng; bổ sung chênh lệch giá vật liệu là 11.424.316.000 đồng và bổ sung do phát sinh khối lượng là 16.380.082.000 đồng, tổng chi phí bổ sung gói thầu số 1 là 54.307.392.000 đồng. Ngày 27/01/2015 Ủy ban nhân dân tỉnh B văn bản số 214/UBND-XD đồng ý cho nhà thầu thanh toán khối lượng phát sinh và đến ngày 28/01/2015 chủ đầu tư phê duyệt dự toán bổ sung phần khối lượng phát sinh với kinh phí bổ sung là 16.277.222.000 đồng và ký kết phụ lục hợp đồng thi công xây dựng số 329b/2015/PLHĐ-XD để bổ sung về khối lượng công việc, giá hợp đồng, thanh toán và tạm ứng. Đến ngày 05/12/2015 Gói thầu số 1 đã hoàn thành nhưng việc quyết toán công trình vẫn chưa được thực hiện do Bệnh viện L2 và bệnh Phổi, tỉnh Tuyên Quang chưa thanh toán phần kinh phí sung liên quan đến chi phí nhân công, máy thi công và chênh lệch giá vật liệu của gói thầu số 1. Công ty X đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1), tỉnh Tuyên Quang yêu cầu Bệnh viện L2 và bệnh Phổi tỉnh Tuyên Quang phải thanh toán số tiền phát

sinh đã được thẩm định tại văn bản kết quả thẩm tra dự toán bổ sung số 1078/KQTT-SXD ngày 24/12/2014 là 38.030.107.000đồng + 3.988.862.845 đồng (là số tiền thiết bị điều hòa do Công ty X đã lắp đặt) = 42.018.969.845 đồng và lãi suất chậm trả khoản tiền chậm trả kể từ ngày hoàn thành công trình (05/12/2015) đến ngày 10/7/2023 là 30.428.583.835 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1), tỉnh Tuyên Quang đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, tiến hành hoà giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Do không đồng ý với Bản án sơ thẩm số 27/2025/DS-ST ngày 24/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1), tỉnh Tuyên Quang nên Công ty X đã làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của Công ty cổ phần X:

Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Q1 phải thanh toán cho Công ty cổ phần X số tiền phát sinh tại gói thầu số 1 gồm: Số tiền phát sinh tại văn bản kết quả thẩm tra dự toán bổ sung số 1078/KQTT-SXD ngày 24/12/2014 là 38.030.107.000 đồng và lãi chậm trả tính từ ngày 05/12/2015 đến ngày 01/4/2025 theo mức lãi suất 10%/năm là 35.477.401.188 đồng. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận là 73.507.508.188 đồng. Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và qua ý kiến trình bày, tranh luận của các đương sự tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

Đối với Hợp đồng số 329/2011/HĐ-XD ngày 28/11/2011 giữa Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Quang với Công ty cổ phần X được ký kết dựa trên mẫu hợp đồng thi công xây dựng công trình ban hành kèm theo Thông tư số 09/2011/TT-BXD và cơ bản vẫn đảm bảo căn cứ theo quy định chung của Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010. Theo quy định tại Điều 9 hình thức của hợp đồng là hợp đồng điều chỉnh giá và các bên đương sự đều thừa nhận; như vậy, đã là hợp đồng điều chỉnh giá về nguyên tắc phải được điều chỉnh dù là tăng hay giảm. Căn cứ khoản 2 Điều 36 Nghị định 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hợp đồng xây dựng quy định “*Việc điều chỉnh đơn giá trong hợp đồng khi thay đổi về giá vật liệu, nhân công, máy thi công do Chủ đầu tư và Nhà thầu tự thực hiện..*”

Sau khi cùng nhà thầu, các đơn vị tư vấn hợp về nội dung điều chỉnh bổ sung tổng mức đầu tư dự án bệnh viện L2 và bệnh Phổi T thì chủ đầu tư đã làm tờ trình số 270/TTr-BVLBP đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh P chủ trương bổ sung, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng bệnh viện. Căn cứ vào văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Sở Kế hoạch đầu tư phối hợp cùng Sở Tài chính, Sở Xây dựng họp thảo luận và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung dự án. Chi phí bổ sung gói thầu số 1 do nhà thầu cung cấp bảng khối lượng công việc hoàn thành theo từng giai đoạn, trên cơ sở đó cơ quan chuyên môn căn cứ các quy định của pháp luật, áp dụng giá theo quy định để tính chứ không phải do phía nhà thầu tự tính toán đề xuất. Tính đến thời điểm có kết quả thẩm tra dự toán bổ sung nhà thầu đã chi trả (bao gồm cả phần chênh lệch do trượt giá) cho nhân công, máy thi công, giá vật liệu tại thời điểm thực hiện hợp đồng.

Khi đề nghị thanh toán khối lượng công việc hoàn thành theo từng giai đoạn thông qua đơn vị giải ngân là Kho bạc Nhà nước, công ty chỉ được thanh toán theo đơn giá tại thời điểm ký kết hợp đồng mà chưa được thanh toán phần giá trị tăng thêm do trượt giá.

Nguyên nhân dẫn đến phát sinh chi phí do có sự thay đổi mức lương tối thiểu vùng đây là chủ trương chung do Nhà nước ban hành và sự biến động giá nguyên vật liệu làm tăng chi phí xây dựng nằm ngoài khả năng dự đoán, kiểm soát của cả bên chủ đầu tư và bên nhận thầu nên tại thời điểm ký hợp đồng không thể thỏa thuận cụ thể trước được, khi có sự thay đổi cần phải điều chỉnh bổ sung giá trị chênh lệch do trượt giá dựa trên khối lượng công việc mà nhà thầu đã hoàn thành trên thực tế; các chi phí phát sinh là cần thiết, phù hợp không thể tách rời để hoàn thành công trình xây dựng bệnh viện Lao và bệnh Phổi tỉnh Tuyên Quang. Mặt khác, dự toán hồ sơ mời thầu tính thiếu khối lượng và điều chỉnh thiết kế là yếu tố chủ quan, không được thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng vẫn được phê duyệt bổ sung trên cơ sở tờ trình của chủ đầu tư, chính việc phê duyệt bổ sung này đã áp dụng theo hình thức của hợp đồng là điều chỉnh giá. Hiện nay bên nhà thầu đã thực hiện xong nghĩa vụ xây dựng công trình bệnh viện L2 và bệnh Phổi T, công trình đã được đưa vào sử dụng để phục vụ nhân dân trong tỉnh và chủ đầu tư đang được sử dụng, hưởng lợi từ công trình nên chủ đầu tư phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền phát sinh cho nhà thầu là Công ty X để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của nhà thầu là phù hợp với khoản chi phí nhà thầu đã phải chi trả trên thực tế. Tại phiên tòa bị đơn cũng đã thừa nhận việc thanh toán 10 lần chỉ mang tính chất tạm ứng, thanh toán theo đơn giá trong hợp đồng đã ký mà chưa thanh toán phần giá trị tăng thêm và trong trường hợp nguyên đơn có lập bảng đề nghị thanh toán cả phần giá trị tăng thêm thì chủ đầu tư cũng không thể quyết định mà phải làm các thủ tục liên quan, trình cơ quan có thẩm quyền duyệt mới thanh toán được.

Trong quá trình thi công phía chủ đầu tư đã thanh toán cho nhà thầu 10 lần nếu lần nào cũng phải thẩm tra hồ sơ chờ được phê duyệt xong mới thanh toán sẽ làm ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng công trình vì bên nhà thầu chưa được thanh toán sẽ không có kinh phí để thi công. Vì đây là hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, mỗi lần thanh toán chỉ mang tính chất tạm ứng và đơn vị quản lý kinh phí, giải ngân vốn là Kho bạc Nhà nước chỉ đồng ý thanh toán theo đơn giá trúng thầu đã ký trong hợp đồng nên mỗi lần đề nghị thanh toán phải lập bảng đề nghị thanh toán bao gồm cả chi phí phát sinh là không cần thiết và không hợp lý. Theo quy định của pháp luật nhà thầu phải lập bảng đề nghị thanh toán trong thời gian nhất định nhưng hợp đồng 329/2011/HĐ-XD không thỏa thuận rõ thời gian cụ thể. Sau khi hoàn thành công trình năm 2014 nhà thầu mới đề nghị thanh toán toàn bộ chi phí phát sinh, thời gian đề nghị nằm trong khoảng thời gian thi công công trình hai bên đã thỏa thuận.

Như vậy có căn cứ xác định chi phí nhân công, máy thi công, chênh lệch giá vật liệu có phát sinh và công ty X đã phải chi trả trên thực tế nhưng chưa được thanh toán nên công ty X khởi kiện yêu cầu Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Quang phải thanh toán chi phí phát sinh là 38.030.107.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa các bên đều xác định quá trình thực hiện công việc thi công công trình xây dựng Bệnh

viện L2 và bệnh Phổi tỉnh Tuyên Quang bên nhà thầu Công ty X đã thực hiện đúng nội dung hợp đồng về tiến độ thời gian cũng như các điều kiện quy định về xây dựng không có vi phạm và không có lỗi.

- Tại phiên tòa nguyên đơn Công ty X cung cấp cho Tòa án Hợp đồng số 29.12/2011/HĐ-XD ngày 29/12/2011 giữa công ty X và Sở Y tế tỉnh L kèm theo phụ lục hợp đồng, công văn gửi Sở Y tế tỉnh L để tham chiếu, đây là tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa, ảnh hưởng trực tiếp đến việc giải quyết vụ án. Sau khi xem xét tài liệu do Công ty X cung cấp; nhận thấy về nội dung hợp đồng, hình thức hợp đồng, loại hợp đồng, thời gian ký kết về cơ bản là tương tự nhau các khoản chi phí phát sinh Công ty X yêu cầu Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Quang thanh toán (chi phí phát sinh chênh lệch vật liệu, chi phí nhân công và máy thi công) tương tự các khoản tiền phát sinh mà công ty X đã được Sở y tế tỉnh L chấp nhận thanh toán mặc dù việc thanh toán cũng làm vượt tổng mức đầu tư ban đầu.

- Đối với yêu cầu trả lãi chậm trả từ ngày 05/12/2015 đến ngày 01/4/2025 theo mức lãi suất 10%/năm là 35.477.401.188 đồng, nguyên đơn rút yêu cầu tại phiên tòa; việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không trái đạo đức xã hội và không trái quy định của pháp luật. HĐXX nhận thấy cần đình chỉ đối với yêu cầu tính của công ty X.

- Đối với khoản tiền lắp đặt thiết bị điều hòa tại cấp sơ thẩm phía nguyên đơn đã rút yêu cầu, cấp sơ thẩm đã đình chỉ; tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn thay đổi quan điểm yêu cầu phía bị đơn trả lại số tiền chi phí lắp đặt điều hòa nội dung này cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét, giữ nguyên như cấp sơ thẩm là phù hợp.

Từ những phân tích nêu trên có đủ căn cứ để chấp nhận một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn Công ty cổ phần X buộc Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Tuyên Quang có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần X số tiền 38.030.107.000 đồng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang là phù hợp.

[4]. Về án phí:

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Bị đơn Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Quang có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần X số tiền 38.030.107.000 đồng do đó bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần X về việc buộc bị đơn Bệnh viện L2 và bệnh Phổi T phải thanh toán số tiền lãi chậm trả là 35.477.401.188 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn rút yêu cầu đối với nội dung này do đó nguyên đơn vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm nguyên đơn đã rút yêu cầu buộc bị đơn thanh toán chi phí lắp đặt thiết bị điều hòa là 3.988.862.845 đồng (*Ba tỷ, chín trăm tám mươi tám triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, tám trăm bốn mươi lăm đồng*) và Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết do đó nguyên đơn không phải chịu án phí án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu này.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nguyên đơn đã nộp.

[5]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Sửa Bản án của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1), tỉnh Tuyên Quang như sau:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng*” của Công ty cổ phần X đối với Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Quang.

Buộc Bệnh viện L2 và bệnh Phổi Tuyên Quang có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần X tổng số tiền phát sinh đã được thẩm định tại văn bản kết quả thẩm tra dự toán bổ sung số 1078/KQTT-SXD ngày 24/12/2014 là 38.030.107.000đ (*Ba mươi tám tỷ, không trăm ba mươi triệu, một trăm linh bảy nghìn đồng*).

Khoản tiền phải trả, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án chậm trả thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Các đương sự có nghĩa vụ cùng nhau quyết toán, thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu của Công ty cổ phần X về việc yêu cầu Bệnh viện L2 và bệnh Phổi tỉnh Tuyên Quang phải thanh toán lãi suất phát sinh trên khoản tiền chênh lệch bổ sung là 35.477.401.000 đồng (*Ba mươi lăm tỷ, bốn trăm bảy mươi bảy triệu, bốn trăm linh một nghìn đồng*).

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán chi phí lắp đặt điều hòa. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần X về việc yêu cầu Bệnh viện L2 và bệnh Phổi tỉnh Tuyên Quang phải thanh toán đối với chi phí lắp đặt thiết bị điều hòa do Công ty X đã lắp đặt là 3.988.862.845 đồng (*Ba tỷ, chín trăm tám mươi tám triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, tám trăm bốn mươi lăm đồng*).

3. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty cổ phần X phải chịu 143.477.401 đồng (*Một trăm bốn mươi ba triệu, bốn trăm bảy mươi bảy nghìn, bốn trăm linh một đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 90.223.776 đồng (*Chín mươi triệu, hai trăm hai mươi ba nghìn, bảy trăm bảy mươi sáu đồng*) tại biên lai thu tiền tạm mứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000952 ngày 27/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1), tỉnh Tuyên

Quang. Công ty cổ phần X còn phải nộp 53.253.625 đồng (*Năm mươi ba triệu, hai trăm năm mươi ba nghìn, sáu trăm hai mươi lăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Bệnh viện L2 và bệnh Phổi tỉnh Tuyên Quang phải chịu 146.030.107 đồng (*Một trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm ba mươi nghìn, một trăm linh bảy đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên Công ty cổ phần X không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho Công ty cổ phần X 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001573 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1), tỉnh Tuyên Quang ngày 21/10/2024.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 11/9/2025.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC tại Hà Nội;
- Viện phúc thẩm 1 tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND khu vực 1 – tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- VPTA tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ma Thị Tuyết Mai Triệu Ngọc Thúc

Nguyễn Xuân Thủy